

Số: ~~3522~~ /QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ~~20~~ tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ  
Ngành Quản trị kinh doanh – Mã ngành: 8340101**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING**

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing;*

*Căn cứ Quyết định số 1911/QĐ-ĐHTCM ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo các trình độ đào tạo tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;*

*Căn cứ Thông báo số 3757/TB-ĐHTCM ngày 17 tháng 12 năm 2024 về kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo tại cuộc họp tháng 12/2024;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Trưởng khoa Quản trị kinh doanh. ✓*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng và Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, mã ngành: 8310101.

**Điều 2.** Chương trình đào tạo quy định tại Điều 1 được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh và nhập học từ năm 2025 trở đi.

**Điều 3.** Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Quản trị kinh doanh và Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- PHT phụ trách đào tạo (để biết);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

**HIỆU TRƯỞNG****Phạm Tiến Đạt**

BỘ TÀI CHÍNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH**

*Định hướng ứng dụng*

*Năm 2024*





## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                             |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....                                                                                                                          | 1  |
| 1. CĂN CỨ XÂY DỰNG.....                                                                                                                                     | 1  |
| 2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....                                                                                                                    | 1  |
| 3. THÔNG TIN CHUNG.....                                                                                                                                     | 1  |
| 4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO .....                                                                                                                                   | 2  |
| 5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs).....                                                                                                            | 3  |
| 6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 61 tín chỉ .....                                                                                                         | 4  |
| 7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP .....                                                                                                            | 4  |
| 8. TUYỂN SINH.....                                                                                                                                          | 5  |
| 9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM .....                                                                                                                   | 7  |
| 10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: .....                                                                                                                    | 7  |
| 11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC<br>VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....                                              | 8  |
| 12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC .....                                                                                                                             | 10 |
| 13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ .....                                                                                                                     | 12 |
| 14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....                                                                                                           | 13 |
| 14.1. Tổ chức đào tạo: .....                                                                                                                                | 14 |
| 14.2. Kế hoạch đào tạo: .....                                                                                                                               | 14 |
| B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....                                                                                                | 15 |
| C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO.....                                                                                                                           | 27 |
| 1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy.....                                                                                                                  | 27 |
| 2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác .....                                                                                                  | 31 |
| 3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định<br>tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT ..... | 38 |
| 4. Đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn hướng dẫn luận văn/đề án tốt nghiệp .....                                                                          | 39 |
| 5. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng.....                                                                                                             | 40 |
| D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo).....                                                                                          | 40 |
| E. PHỤ LỤC .....                                                                                                                                            | 41 |
| Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng<br>của Trường.....                                                         | 41 |
| Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CĐR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của<br>Trường .....                                                             | 41 |
| Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh với<br>chương trình đào tạo của các trường khác .....                              | 42 |



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3522/QĐ-ĐHTCM ngày 20 tháng 12 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

### A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

#### 2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng Ngành Quản trị kinh doanh theo hệ thống tín chỉ hiện tại được xây dựng lần đầu tiên năm 2016. Chương trình được cập nhật theo hướng tiếp cận mới với mục tiêu đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan gồm người sử dụng lao động, giảng viên, cựu người học và người học được khảo sát định kỳ; cùng với sự thay đổi trong chuẩn năng lực theo quy định của Nhà nước về đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh, sự thay đổi về Triết lý giáo dục và cơ cấu hoạt động theo hướng tự chủ của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Chương trình được thiết kế thời gian trung bình 2 năm và 61 tín chỉ, trong đó thực hiện 9 tín chỉ đề án tốt nghiệp.

Chủ trì ngành/chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá.

#### 3. THÔNG TIN CHUNG

##### 3.1. Tên chương trình đào tạo: Quản trị Kinh doanh



**3.2. Trình độ:** Thạc sĩ

**3.3. Định hướng đào tạo:** Ứng dụng

**3.4. Văn bằng tốt nghiệp:** Thạc sĩ

**3.5. Mã ngành đào tạo:** 8340101

**3.6. Thời gian đào tạo:** 2 năm, thời gian học tập tối đa: 4 năm

**3.7. Loại hình đào tạo:** Chính quy

**3.8. Số tín chỉ yêu cầu:** 61

**3.9. Khoa quản lý:** Khoa Quản trị kinh doanh

**3.10. Ngôn ngữ sử dụng:** Tiếng Việt

**3.11. Chứng nhận chất lượng:** 751/QĐ-KĐCLSGDSG ngày 15/9/2024

**3.12. Website:** ufm.edu.vn

**3.13. Các chương trình tham khảo, đối sánh:** UEH, NEU, NUS

**3.14. Năm rà soát, cập nhật:** 2024

**3.15. Vị trí việc làm:**

Sau khi tốt nghiệp chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh, người học có thể đảm nhiệm một trong số các vị trí sau đây:

- Nhà điều hành cao cấp trong các tổ chức/doanh nghiệp/ tập đoàn;
- Tự khởi nghiệp kinh doanh độc lập.

## **4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

### **4.1. Mục tiêu chung:**

Mục tiêu chính của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng là trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu trong quản trị điều hành doanh nghiệp. Thông qua quá trình nghiên cứu mang tính thực tiễn cao, áp dụng phân tích tình huống, xu hướng nghiên cứu cập nhật trong từng lĩnh vực chuyên môn, chương trình đào tạo giúp học viên nâng cao năng lực giải quyết vấn đề trong kinh doanh và năng lực phân tích kết quả nghiên cứu để đề xuất những giải pháp ứng dụng vào thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh. Qua đó, người học có thể trở thành những nhà điều hành cấp cao trong các doanh nghiệp với tầm nhìn và tri thức đương đại trong môi trường kinh doanh toàn cầu hoặc có thể tự khởi nghiệp kinh doanh độc lập. Khi có nhu cầu, học viên có thể học bổ sung một số phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

### **4.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **❖ Về kiến thức:**

- **PO1:** Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia ứng dụng trong lĩnh vực được đào tạo.

- **PO2:** Có tư duy phản biện; có kiến thức thực tiễn ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành về kinh doanh và quản lý trong doanh nghiệp, có kiến thức tổng hợp về pháp luật,

quản lý và trách nhiệm xã hội liên quan đến quản trị kinh doanh hướng đến phát triển bền vững.

❖ *Về kỹ năng:*

- **PO3:** Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng xử lý độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp hiệu quả trong chuyên ngành quản trị kinh doanh.

- **PO4:** Có kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng quản lý, đặc biệt là kỹ năng phân tích dữ liệu, để lập kế hoạch kinh doanh, hoạch định chính sách trong quá trình quản trị doanh nghiệp.

- **PO5:** Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các báo cáo hay phát biểu các chủ đề liên quan đến chuyên ngành quản trị kinh doanh; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn bằng ngoại ngữ.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- **PO6:** Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành quản trị kinh doanh và đề xuất những sáng kiến có giá trị.

- **PO7:** Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao.

## 5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Chương trình được thiết kế đảm bảo người học đạt tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

❖ *Về kiến thức:*

- **PLO1:** Hệ thống hóa các kiến thức chuyên sâu về các chức năng trong quản trị điều hành doanh nghiệp.

- **PLO2:** Cập nhật kiến thức về các mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại trên thế giới.

- **PLO3:** Hoạch định chiến lược và chính sách cho các tổ chức và doanh nghiệp thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

- **PLO4:** Tư duy phân tích các vấn đề phát sinh trong thực tiễn có luận cứ khoa học trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

❖ *Về kỹ năng:*

- **PLO5:** Phân tích, đánh giá một cách khoa học các kiến thức chuyên ngành để áp dụng vào thực tiễn quản lý doanh nghiệp.

- **PLO6:** Phân tích các chính sách để đưa ra các quyết định chiến lược trung và dài hạn trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

- **PLO7:** Nhận diện, đánh giá và giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành doanh nghiệp một cách hiệu quả.

- **PLO8:** Quản lý, đánh giá và cải tiến được các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*



- **PLO9:** Tự nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

- **PLO10:** Thích nghi, tự định hướng, tôn trọng đạo đức và trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

## 6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 61 tín chỉ

| TT          | Định hướng nghiên cứu                 |           |            |
|-------------|---------------------------------------|-----------|------------|
|             | Khối lượng kiến thức                  | Tín chỉ   | Tỷ lệ %    |
| 1           | Khối kiến chung                       | 7         | 11.5       |
| 2           | Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp | 45        | 73.8       |
| 3           | Tốt nghiệp                            | 9         | 14.7       |
| <b>Tổng</b> |                                       | <b>61</b> | <b>100</b> |

## 7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

### 7.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về tuyển sinh trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 1772/QĐ/ĐHTCM-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 124/QĐ-ĐHTCM-ĐTSDH ngày 10/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên giảng dạy ở trình độ thạc sĩ phải tuân thủ các quy định hiện hành của Trường và pháp luật của quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan. Cơ sở đào tạo được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

### 7.2. Địa điểm đào tạo

Tổ chức đào tạo tại các cơ sở của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 23/2021/BGDĐT ban hành ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện đào tạo các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

### 7.3. Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có): không có

### 7.4. Điều kiện tốt nghiệp, bằng cấp và bằng điểm:



*a) Điều kiện tốt nghiệp:*

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn tốt nghiệp đạt yêu cầu, đã hoàn tất việc nộp hồ sơ sau bảo vệ;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

*b) Cấp bằng, cấp bằng điểm*

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **8. TUYỂN SINH**

### **8.1. Chỉ tiêu tuyển sinh**

Theo chỉ tiêu được xét duyệt từ Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với năng lực đào tạo của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

### **8.2. Phương thức tuyển sinh**

- Phương thức tuyển sinh trình độ thạc sĩ gồm: xét tuyển đối với trình độ đại học và văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên.

- Các môn xét tuyển bao gồm hai môn cơ sở ngành phù hợp trình độ đại học, cụ thể:

+ Quản trị học

+ Kinh tế học

### **8.3. Chuẩn đầu vào**

*a) Yêu cầu về văn bằng:*

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị Kinh doanh từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Công bố khoa học của người dự tuyển liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu bao gồm bài báo trên tạp chí khoa học, tham luận được đăng trong kỷ yếu hội thảo đã xuất bản; đề tài, đề án khoa học từ cấp cơ sở trở lên trong thời hạn 5 năm tính đến ngày dự tuyển.

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Quản trị Kinh doanh và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với Chương trình gồm 2 học phần (5 tín chỉ).

- Có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác với ngành Quản trị Kinh doanh và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với Chương trình gồm 4 học phần (9 tín chỉ).

*b) Yêu cầu thâm niên công tác:* Không

*c) Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ:* Được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình

được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

#### **8.4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi học phần**

a) Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ ngành khác. Các học phần đã học phải có trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường với số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

b) Sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing đang học chương trình đào tạo đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường với số tín chỉ không vượt quá 15 tín chỉ.

c) Những học phần đã học ở chương trình đại học hoặc chương trình thạc sĩ ngành khác được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Cùng nội dung giảng dạy; Đáp ứng chuẩn đầu ra bằng hoặc lớn hơn khối lượng học tập trong chương trình đào tạo thạc sĩ của trường;
- Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;
- Thời điểm hoàn thành không quá 5 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ.

#### **8.5. Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)**

##### **8.5.1. Ngành đúng, ngành gần, ngành khác**

Ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực Quản trị kinh doanh bao gồm các ngành về chức năng quản trị, kinh doanh và quản lý; các ngành về lĩnh vực quản trị quản lý; các ngành về công cụ quản trị, quản lý. Ngành liên quan trực tiếp bao gồm:

a) Ngành đúng: ngành đào tạo trình độ đại học trùng tên với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

b) Ngành gần: các ngành đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, nhưng khác với ngành đúng.

c) Ngành khác: các ngành đào tạo trình độ đại học khác không phải ngành đúng, ngành gần, nhưng có liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

##### **8.5.2. Danh sách các học phần học bổ sung đối với ngành gần và ngành khác**

❖ *Ngành đúng:* ngành Quản trị kinh doanh

Ngành gần: các ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, nhưng không đúng ngành Quản trị kinh doanh. Môn học bổ sung kiến thức gồm 2 môn, 5 tín chỉ, cụ thể:

| TT | Môn học      | Số tín chỉ |
|----|--------------|------------|
| 1  | Kinh tế học  | 3          |
| 2  | Quản trị học | 2          |

❖ *Ngành khác:* các ngành khác kinh doanh và quản lý. Môn học bổ sung kiến thức gồm 4 môn, 9 tín chỉ, cụ thể:

| TT | Môn học             | Số tín chỉ |
|----|---------------------|------------|
| 1  | Kinh tế học         | 3          |
| 2  | Quản trị học        | 2          |
| 3  | Quản trị vận hành   | 2          |
| 4  | Quản trị chiến lược | 2          |

### 9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của học viên theo quy định của Trường và tuân thủ theo Chương III, Điều 7 Mục 6 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

| TT                                       | Mã học phần                     | Tên học phần<br>(Tiếng Việt)              | Tên học phần<br>(Tiếng Anh)          | Định hướng ứng dụng |            |        |
|------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------|------------|--------|
|                                          |                                 |                                           |                                      | Tổng số TC          | Phân bố TC |        |
|                                          |                                 |                                           |                                      |                     | NC         | T<br>T |
| 1. Khối kiến thức chung                  |                                 |                                           |                                      | 7                   | 7          |        |
| 1                                        | A_ABA002                        | Triết học                                 | Philosophy                           | 4                   | 4          |        |
| 2                                        | A_ABA101                        | Phương pháp nghiên cứu khoa học           | Research Methods                     | 3                   | 3          |        |
| 2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp |                                 |                                           |                                      | 45                  | 33         | 12     |
| 2.1                                      | Kiến thức bắt buộc              |                                           |                                      | 30                  | 18         | 12     |
| 3                                        | A_ABA103                        | Quản trị chiến lược nâng cao (*)          | Advanced strategic management        | 3                   | 2          | 1      |
| 4                                        | A_ABA106                        | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao (*)      | Advanced human resources management  | 3                   | 2          | 1      |
| 5                                        | A_ABA104                        | Quản trị vận hành và công nghệ (*)        | Operations and technology management | 3                   | 2          | 1      |
| 6                                        | A_ABA008                        | Quản trị sự thay đổi                      | Change management                    | 3                   | 3          |        |
| 7                                        | A_ABA005                        | Quản trị marketing toàn cầu               | Global marketing management          | 3                   | 3          |        |
| 8                                        | A_ABA105                        | Quản trị tài chính hiện đại               | Modern financial management          | 3                   | 3          |        |
| 9                                        | A_ABA107                        | Quản trị rủi ro kinh doanh                | Modern financial management          | 3                   | 3          |        |
| 10                                       | A_ABA102                        | Mô hình kinh tế mới                       | New economic models                  | 3                   | 3          |        |
| 11                                       | A_ABA108                        | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*) | Advanced business data analytics     | 3                   | 0          | 3      |
| 12                                       | A_ABA110                        | Chuyên đề thực tế 1                       | Practicum 1                          | 3                   | 0          | 3      |
| 2.2                                      | Kiến thức chuyên ngành tự chọn: |                                           |                                      | 15                  | 12         | 3      |



| TT                                                                 | Mã học phần                             | Tên học phần<br>(Tiếng Việt)         | Tên học phần<br>(Tiếng Anh)            | Định hướng ứng dụng |            |        |
|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|------------|--------|
|                                                                    |                                         |                                      |                                        | Tổng số TC          | Phân bố TC |        |
|                                                                    |                                         |                                      |                                        |                     | NC         | T<br>T |
| Chọn: 1 trong 2 định hướng sau (15 tín chỉ tương đương 4 học phần) |                                         |                                      |                                        |                     |            |        |
| A                                                                  | Định hướng QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP |                                      |                                        |                     |            |        |
| 13                                                                 | A_ABA111                                | Lãnh đạo và hành vi tổ chức          | Leadership and organizational behavior | 3                   | 3          | 0      |
| 14                                                                 | A_ABA112                                | Quản trị bán hàng nâng cao (*)       | Advanced Sales Management              | 3                   | 3          | 0      |
| 15                                                                 | A_ABA014                                | Quản trị dự án kinh doanh            | Managing Business Project              | 3                   | 3          | 0      |
| 16                                                                 | A_ABA113                                | Tạo lập mô hình kinh doanh           | Create a business                      | 3                   | 3          | 0      |
| 17                                                                 | A_ABA114                                | Chuyên đề thực tế 2 (QTKDTH)         | Practicum 2                            | 3                   | 0          | 3      |
| B                                                                  | Định hướng KINH DOANH QUỐC TẾ           |                                      |                                        |                     |            |        |
| 18                                                                 | A_ABA115                                | Luật thương mại quốc tế nâng cao (*) | Advanced international business law    | 3                   | 3          | 0      |
| 19                                                                 | A_ABA026                                | Quản trị xuất nhập khẩu              | Export import management               | 3                   | 3          | 0      |
| 20                                                                 | A_ABA116                                | Quản trị kinh doanh toàn cầu         | Global business management             | 3                   | 3          | 0      |
| 21                                                                 | A_ABA117                                | Quản trị đầu tư quốc tế              | Interbational investment management    | 3                   | 3          | 0      |
| 22                                                                 | A_ABA118                                | Chuyên đề thực tế 2 (KDQT)           | Practicum 2                            | 3                   | 3          | 0      |
| 3. Tốt nghiệp                                                      |                                         |                                      |                                        | 9                   | 9          | 0      |
| 18                                                                 | A_ABA120                                | Đề án tốt nghiệp                     | Graduation thesis                      | 9                   | 9          | 0      |
|                                                                    | Tổng số tín chỉ khóa học                |                                      |                                        | 61                  | 49         | 12     |

**11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

| STT                     | Tên học phần                    | PLOs |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
|-------------------------|---------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|
|                         |                                 | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 |
| 1. Khối kiến thức chung |                                 |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 1                       | Triết học                       | I    | I    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M     |
| 2                       | Phương pháp nghiên cứu khoa học | R    |      | R    | R    | M    |      | M    | R    | R    |       |

| STT                                                                | Tên học phần                              | PLOs |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|
|                                                                    |                                           | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 |
| 2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp                           |                                           |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 2.1                                                                | Kiến thức bắt buộc                        |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 3                                                                  | Quản trị chiến lược nâng cao (*)          |      | R    | M    | R    | R    | R    |      |      | R    | R     |
| 4                                                                  | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao (*)      | M    | M    | M    | M    | M    | M    |      | M    | M    | M     |
| 5                                                                  | Quản trị vận hành và công nghệ (*)        | M    |      | M    | M    | M    |      | M    | M    | M    | M     |
| 6                                                                  | Quản trị sự thay đổi                      | R    | R    |      | R    |      |      | R    |      | R    | R     |
| 7                                                                  | Quản trị marketing toàn cầu               | I    | I    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M     |
| 8                                                                  | Quản trị tài chính hiện đại               | I    | I    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M     |
| 9                                                                  | Quản trị rủi ro kinh doanh                | M    | M    |      |      | M    |      | M    |      | M    |       |
| 10                                                                 | Mô hình kinh tế mới                       | I    | I    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M     |
| 11                                                                 | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*) | M    |      | M    | M    | M    |      | M    | M    | M    |       |
| 12                                                                 | Chuyên đề thực tế 1                       |      |      | M    |      |      |      | M    |      | M    | M     |
| 2.2                                                                | Kiến thức chuyên ngành tự chọn:           |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| Chọn: 1 trong 2 định hướng sau (15 tín chỉ tương đương 4 học phần) |                                           |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| A                                                                  | Định hướng QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP   |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 13                                                                 | Lãnh đạo và hành vi tổ chức               | R    | R    | R    | R    | R    | R    | R    | R    | R    | R     |
| 14                                                                 | Quản trị bán hàng nâng cao (*)            | I    |      | M    | M    | M    |      |      | M    | M    | M     |
| 15                                                                 | Quản trị dự án kinh doanh                 | R    | M    | M    | M    | M    | M    |      | M    | M    | M     |
| 16                                                                 | Tạo lập mô hình kinh doanh                |      |      | R    | M    |      |      | R    | M    | R    | R     |
| B                                                                  | Định hướng KINH DOANH QUỐC TẾ             |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 17                                                                 | Luật thương mại quốc tế nâng cao (*)      | I    | I    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M     |
| 18                                                                 | Quản trị xuất nhập khẩu                   | I    | I    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M     |
| 19                                                                 | Quản trị kinh doanh toàn cầu              | I    | I    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M     |
| 20                                                                 | Quản trị Đầu tư quốc tế                   | R    | R    | M    | M    | M    | M    | R    | M    | R    | M     |
| 21                                                                 | Chuyên đề thực tế 2                       |      |      | M    |      |      |      | M    | M    | M    | M     |
| 3. Tốt nghiệp                                                      |                                           |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 22                                                                 | Đề án tốt nghiệp                          |      |      |      | A    |      |      |      | A    | A    | A     |

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ



thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu.
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần phải có.

## 12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

### 12.1. Phương pháp giảng dạy

#### ❖ Lý thuyết:

##### **Thuyết giảng:**

- Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Học viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

- Chú trọng tính hàn lâm của chương trình kết hợp với các mô hình/xu hướng của quản trị đương đại, đặc biệt các học phần chuyên ngành mỗi học phần sẽ giảng dạy lý thuyết và thảo luận, nghiên cứu các công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế.

- Kết hợp quá trình giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên và tự nghiên cứu của học viên, đề cao và khuyến khích tính tự chủ, năng động trong học tập và nghiên cứu của học viên.

**Thảo luận/dàm thoại:** Là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, học viên nêu quan điểm cá nhân, và giải thích phân tích kỹ để thuyết phục người nghe về quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, học viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

**Phương pháp dạy học theo nhóm:** Đây là một trong những phương pháp dạy học tích cực được đánh giá cao hiện nay, giúp Người học nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm và khả năng giao tiếp Người học. Giảng viên sẽ giới thiệu về chủ đề, xác định nhiệm vụ chung cho các nhóm, tạo nhóm. Người học sẽ lên kế hoạch cho các công việc cần làm, đặt ra các quy tắc làm việc chung, xử lý các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả đạt được. Sau đó, các nhóm lần lượt báo cáo kết quả giảng viên sẽ đánh giá kết quả.

**Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề:** Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, Người học vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

**Phương pháp đóng vai:** Phương pháp giảng dạy mà giảng viên thiết lập và đưa ra các tình huống để Người học tham gia đóng vai các vai trò khác nhau. Mục đích chính



của phương pháp này là tạo ra một không gian trải nghiệm, giúp Người học học hỏi hiệu quả hơn thông qua việc tham gia vào các tình huống thực tế hoặc giả tưởng. Qua quá trình đóng vai, Người học có cơ hội tương tác với nhau qua các vai diễn, từ đó phát triển các kỹ năng quan trọng như giao tiếp, ứng xử và làm việc nhóm. Sự đa dạng của các tình huống không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp. Yêu tố này làm người học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống.

#### ❖ Thực hành:

**Thuyết trình:** Giảng viên yêu cầu học viên chuẩn bị trước một chủ đề, phân thành nhóm nhỏ với số lượng từ 3 – 5 sinh viên, chuẩn bị nội dung trình chiếu Slide. Trình bày nội dung trước lớp với thời gian từ 20 đến 30 phút. Sau khi thuyết trình, các thành viên trong nhóm sẽ trả lời câu hỏi phản biện của các nhóm còn lại.

**Tổ chức Seminar:** Một buổi báo cáo kết quả chuyên đề học tập, mà trong đó học viên chính là người phải chủ động hoàn toàn mọi bước từ khâu chuẩn bị tài liệu học tập, trình bày nội dung và đưa dẫn chứng. Tiếp đó là trao đổi, thảo luận với các thành viên khác và sau cũng phải tự rút ra được kết luận về nội dung học hay vấn đề khoa học vừa đề cập đến. Cuối cùng là đề xuất các phương án hoặc hướng đi mới để phát triển mở rộng nội dung.

**Bài tập tình huống:** Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy học viên làm trung tâm, giúp học viên hình thành kỹ năng tư duy phân biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu học viên giải quyết, giúp học viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

**Tổ chức thực hành theo nhóm:** Tổ chức thành các nhóm tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp học viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty.

## 12.2. Phương pháp học tập của người học

#### ❖ Hướng dẫn tự học:

Học viên được cung cấp các bản mô tả các vấn đề về tổ chức, các tình huống diễn ra và mỗi người sẽ tự phân tích các tình huống, dự đoán vấn đề và trình bày các phương pháp giải quyết của mình sau đó thảo luận nhóm để tìm ra giải pháp tối ưu.

#### ❖ Tự học:

Học viên tự học theo tài liệu giảng viên cung cấp.

- **Trong trường hợp Tự học theo cá nhân:** Người học làm việc theo cá nhân hoặc nhóm theo quy định của giảng viên, tự nghiên cứu bài giảng, thực hiện các yêu cầu của giảng viên về nội dung, sản phẩm cần thực hiện.

- **Trong trường hợp Tự học theo nhóm:**

+ Nhóm trưởng thay mặt nhóm làm việc và chịu trách nhiệm với giảng viên về công việc của nhóm mình; có trách nhiệm phân công công việc và đánh giá hiệu quả

công việc của các thành viên trong nhóm.

+ Các nhóm có trách nhiệm nghiên cứu nội dung tự học và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên. Các sản phẩm được hoàn thiện và đánh giá theo yêu cầu được giảng viên đề ra từ trước.

### 12.3. Phương pháp hướng dẫn thực hành

Áp dụng các hình thức thực hành đa dạng cho các môn chuyên ngành như:

+ Tổ chức seminar: Giảng viên chỉ giảng dạy các nội dung cơ bản, hướng dẫn tài liệu tham khảo, bài đọc thêm, đề nghị học viên đọc và tham gia thảo luận trên lớp hoặc bài báo cáo.

+ Tổ chức thảo luận nhóm nhỏ, khảo sát viết đề tài nhỏ, đề tài nghiên cứu khoa học.

+ Thực hành với các phần mềm và công cụ liên quan đến phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng.

### 12.4 Ma trận liên kết giữa Phương pháp giảng dạy – học tập và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| Phương pháp giảng dạy – học tập | PLOs      |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
|---------------------------------|-----------|------|------|------|---------|------|------|------|-----------------------------------|-------|
|                                 | Kiến thức |      |      |      | Kỹ năng |      |      |      | Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm |       |
|                                 | PLO1      | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5    | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9                              | PLO10 |
| Thuyết giảng                    | X         | X    | X    | X    |         |      |      |      |                                   |       |
| Thuyết trình                    |           |      |      |      | X       | X    | X    | X    |                                   |       |
| Tọa đàm                         |           |      |      |      | X       | X    | X    | X    |                                   |       |
| Bài tập tình huống              | X         | X    | X    | X    |         |      |      |      |                                   |       |
| Thực hành theo nhóm             |           |      |      |      | X       | X    | X    | X    |                                   |       |
| Tự học                          |           |      |      |      |         |      |      |      | X                                 | X     |

### 13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Phương pháp kiểm tra đánh giá và thang điểm đánh giá thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

#### 13.1. Các học phần lý thuyết, thực hành

| STT | Hình thức đánh giá | Tiêu chí đánh giá (mô tả chi tiết)          | Tỷ trọng (1) + (2) = 100% |
|-----|--------------------|---------------------------------------------|---------------------------|
| 1   | Đánh giá quá trình |                                             | 50%                       |
| 1.1 | Chuyên cần         | Mức độ tham gia học                         | 15%                       |
| 1.2 | Bài tập nhóm       | Chất lượng nội dung và sự tham gia vào nhóm | 15%                       |



| STT      | Hình thức đánh giá      | Tiêu chí đánh giá<br>(mô tả chi tiết) | Tỷ trọng<br>(1) + (2) = 100% |
|----------|-------------------------|---------------------------------------|------------------------------|
| 1.3      | Kiểm tra                | Từ 5 điểm trở lên là đạt              | 20%                          |
| <b>2</b> | <b>Đánh giá cuối kỳ</b> |                                       | 50%                          |
| 2.1      | Bài thi tự luận         | Từ 5 điểm trở lên là đạt              | x                            |
| 2.2      | Bài thi trắc nghiệm     | Từ 5 điểm trở lên là đạt              | x                            |
| 2.3      | Tiểu luận               | Từ 5 điểm trở lên là đạt              | x                            |
| 2.4      | Bài thi kết hợp         | Từ 5 điểm trở lên là đạt              | x                            |

*Ghi chú: (1.1) + (1.2) + (1.3) = 100% điểm đánh giá quá trình. Trong đánh giá cuối kỳ, mỗi học phần chỉ sử dụng 1 phương pháp đánh giá.*

### 13.2. Đề án tốt nghiệp

Theo quy định của đề án tốt nghiệp thạc sĩ định hướng ứng dụng trong chương trình đào tạo.

**13.3. Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

| Phương pháp đánh giá                        | PLOs      |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
|---------------------------------------------|-----------|------|------|------|---------|------|------|------|-----------------------------------|-------|
|                                             | Kiến thức |      |      |      | Kỹ năng |      |      |      | Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm |       |
|                                             | PLO1      | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5    | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9                              | PLO10 |
| <b>A. CÁC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT, THỰC HÀNH</b> |           |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| <b>1. Đánh giá quá trình</b>                |           |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| Chuyên cần                                  |           |      |      |      |         |      |      | X    | X                                 | X     |
| Bài tập nhóm                                |           |      |      | X    | X       | X    | X    |      |                                   |       |
| Kiểm tra                                    | X         | X    | X    |      |         |      |      | X    | X                                 | X     |
| <b>2. Đánh giá cuối kỳ</b>                  |           |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| Bài thi tự luận                             | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                                 | X     |
| Bài thi trắc nghiệm                         | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                                 | X     |
| Tiểu luận                                   | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                                 | X     |
| Bài thi kết hợp                             | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                                 | X     |
| <b>B. TỐT NGHIỆP</b>                        |           |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| Đề án tốt nghiệp                            | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                                 | X     |

### 14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ Ngành Quản trị kinh doanh được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên



quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học,

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm. Thời gian tối đa là 4 năm.

Người học được đào tạo theo hình thức tập trung áp dụng Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường.

#### 14.1. Tổ chức đào tạo:

- Trường tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đào tạo tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép người học tích lũy tín chỉ từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của người học. Một tín chỉ bằng 50 giờ bao gồm cả học lý thuyết, thực hành, thực tập và tự học.

#### 14.2. Kế hoạch đào tạo:

##### Năm 1

| STT | HỌC PHẦN                             | TC | HỌC PHẦN<br>HỌC TRƯỚC | GHI CHÚ  |
|-----|--------------------------------------|----|-----------------------|----------|
| 1   | Triết học                            | 4  | Không                 | Bắt buộc |
| 2   | Phương pháp nghiên cứu khoa học      | 3  | Không                 | Bắt buộc |
| 3   | Quản trị chiến lược nâng cao (*)     | 3  | Không                 | Bắt buộc |
| 4   | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao (*) | 3  | Không                 | Bắt buộc |
| 5   | Quản trị vận hành và công nghệ (*)   | 3  | Không                 | Bắt buộc |
| 6   | Quản trị sự thay đổi                 | 3  | Không                 | Bắt buộc |
| 7   | Quản trị marketing toàn cầu          | 3  | Không                 | Bắt buộc |
| 8   | Quản trị tài chính hiện đại          | 3  | Không                 | Bắt buộc |
| 9   | Quản trị rủi ro kinh doanh           | 3  | Không                 | Bắt buộc |

##### Năm 2

| STT                                     | HỌC PHẦN                                  | TC | HỌC PHẦN<br>HỌC TRƯỚC              | GHI CHÚ        |
|-----------------------------------------|-------------------------------------------|----|------------------------------------|----------------|
| 10                                      | Mô hình kinh tế mới                       | 3  | Không                              | Bắt buộc       |
| 11                                      | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*) | 3  | Phương pháp nghiên cứu khoa học    | Bắt buộc       |
| 12                                      | Chuyên đề thực tế 1                       | 3  | Các học phần thuộc kiến thức ngành | Bắt buộc       |
| Chọn 1 trong 2 định hướng               |                                           |    |                                    |                |
| Định hướng QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP |                                           |    |                                    |                |
| 13                                      | Lãnh đạo và hành vi tổ chức               | 3  | Quản trị nguồn nhân lực            | Tự chọn nhóm 1 |
| 14                                      | Quản trị bán hàng nâng cao (*)            | 3  | Quản trị marketing toàn cầu        |                |
| 15                                      | Quản trị dự án kinh doanh                 | 3  | Quản trị tài chính                 |                |

| STT                           | HỌC PHẦN                             | TC | HỌC PHẦN<br>HỌC TRƯỚC                                | GHI CHÚ           |
|-------------------------------|--------------------------------------|----|------------------------------------------------------|-------------------|
|                               |                                      |    | hiện đại                                             |                   |
| 16                            | Tạo lập mô hình kinh doanh           | 3  | Quản trị chiến lược<br>nâng cao                      |                   |
| 17                            | Chuyên đề thực tế 2 (QTKDTH)         | 3  | Các học phần thuộc<br>khối kiến thức<br>chuyên ngành |                   |
| Định hướng KINH DOANH QUỐC TẾ |                                      |    |                                                      |                   |
| 18                            | Luật thương mại quốc tế nâng cao (*) | 3  | Không                                                | Tự chọn<br>nhóm 2 |
| 19                            | Quản trị xuất nhập khẩu              | 3  | Không                                                |                   |
| 20                            | Quản trị kinh doanh toàn cầu         | 3  | Không                                                |                   |
| 21                            | Quản trị Đầu tư quốc tế              | 3  | Không                                                |                   |
| 22                            | Chuyên đề thực tế 2 (KDQT)           | 3  | Không                                                |                   |
| Đề án tốt nghiệp              |                                      |    |                                                      |                   |
| 23                            | Đề án tốt nghiệp                     | 9  | Các học phần của<br>chương trình                     |                   |

## B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Triết học Tín chỉ: 04

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Trang bị cho học viên những nền tảng lý luận cơ bản và phương pháp luận khoa học từ triết học, qua đó phát triển năng lực tư duy biện chứng và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề thực tiễn. Nội dung học phần không chỉ giới thiệu các khái niệm, quan điểm cơ bản của triết học mà còn tập trung vào sự vận dụng triết học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc nhận thức và giải quyết các vấn đề xã hội, chính trị, kinh tế và văn hóa trong bối cảnh đổi mới và hội nhập ở Việt Nam hiện nay.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần được cấu trúc thành 8 chương, gồm những nội dung khái quát lịch sử triết học phương Đông, phương Tây và tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; Nội dung về bản thể luận, nhận thức luận, phép biện chứng, ý thức xã hội, và hình thái kinh tế - xã hội trong triết học Mác-Lênin; Các phương pháp luận về mặt triết học và sự vận dụng chúng trong thực tiễn cuộc sống, trong việc giải quyết các vấn đề cấp thiết như đổi mới chính trị, xây dựng nhà nước pháp quyền, phát huy dân chủ, và phát triển con người, xây dựng nền tảng tinh thần xã hội và định hướng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc thù của Việt Nam.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO2(I); PLO3(M); PLO4(M); PLO5 (M); PLO6(M); PLO7(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

### 2. Phương pháp nghiên cứu khoa học Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức các kiến thức cơ bản về Tổng quan nghiên cứu khoa học, Phương pháp nghiên cứu định tính, Phương pháp nghiên cứu định lượng; Một số mô hình định lượng ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính và Quản trị kinh doanh.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp các phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong khoa học kinh tế, khoa học xã hội, tài chính, ngân hàng, áp dụng cụ thể vào việc nghiên cứu theo nhóm hay nghiên cứu cá nhân, từ đó người học có đủ nền tảng kiến thức để tiến hành thực hiện luận văn thạc sĩ hay các đề tài nghiên cứu khác. Học phần cũng cung cấp những kiến thức về bản chất của quá trình nghiên cứu, các bước thiết kế nghiên cứu, cách thức tìm kiếm và xác định vấn đề nghiên cứu, cách tổng quan tài liệu, xây dựng hệ thống phương pháp nghiên cứu cụ thể cho luận văn, đề tài, cách thức thu thập và xử lý số liệu (cơ bản), cách viết đề cương nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R); PLO3(R); PLO4(R); PLO5(M); PLO7(M); PLO8(R); PLO9(R).

### 3. Quản trị chiến lược nâng cao

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức để người học hiểu được tổng quan cách thức các doanh nghiệp hoạch định chiến lược, phân tích đánh giá được về mặt lý luận cũng như kỹ thuật các cách thức hoạch định chiến lược. Từ đó người học ra được các quyết định liên quan đến hoạch định chiến lược của các doanh nghiệp. Kỳ vọng người học có thể đảm nhận các vị trí công việc tại các doanh nghiệp: tư vấn chiến lược, các vị trí quản lý cấp trung và cấp cao.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho người học kiến thức nâng cao về cách thức các tổ chức thành công hoạch định chiến lược tạo dựng lợi thế cạnh tranh trong môi trường kinh doanh ngày càng khốc liệt hiện nay. Học phần cung cấp kiến thức về cách thức tạo dựng chiến lược kinh doanh cho doanh nghiệp, thông qua thiết lập mục tiêu, phân tích môi trường kinh doanh và sử dụng công cụ hoạch định chiến lược để thiết lập chiến lược kinh doanh một cách chuyên sâu và hiệu quả, đặc biệt hướng tới phát triển bền vững. Học phần cung cấp kiến thức thông qua giáo trình, tài liệu tham khảo, các bài báo nghiên cứu, và các tình huống thực tế tại doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(R); PLO3(M); PLO4(R); PLO5(R); PLO6(R); PLO9(R); PLO10(R).

### 4. Quản trị nguồn nhân lực nâng cao

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Mục tiêu của học phần giúp học viên nắm vững hệ thống kiến thức về khoa học và nghệ thuật quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức. Cung cấp cho học viên tư duy hoạch định các hoạt động và chính sách quản trị nhân sự; phát triển và phản biện các lý thuyết, mô hình, kỹ thuật và phương pháp quản trị nguồn nhân lực và vận dụng trong công tác quản trị nguồn vốn nhân lực cho tổ chức; áp



dụng kỹ năng quản lý để đạt được hiệu năng công việc trong lĩnh vực chuyên môn, đặc biệt là trong cách quản lý con người và trong các mối quan hệ giữa các cá nhân đáp ứng vị trí việc làm trong công tác quản trị con người 1 cách hiệu quả.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần QTNNL thuộc khối kiến thức ngành, học phần này cung cấp cho người học nền tảng của quá trình thực hiện các chiến lược nhất quán để quản lý con người trong một tổ chức như hoạch định, tổ chức, điều phối và quản lý nhân viên nhằm thực hiện tầm nhìn sứ mệnh, mục tiêu và mang lại hiệu quả tối ưu cho doanh nghiệp. Chính vì thế, nội dung học phần bao gồm tuyển dụng, đào tạo, đánh giá, đãi ngộ và tạo động lực thúc đẩy và giữ chân nhân viên theo các chuyên đề chuyên sâu gắn với thực tiễn quản trị nhân sự đương đại trong các tổ chức. Hệ thống kiến thức của học phần được trình bày theo 04 chuyên đề như sau: (1) Các xu hướng và thách thức của quản trị nguồn nhân lực đương đại; (2) Quản trị nguồn nhân lực mang tính chiến lược; (3) Nhà quản trị nhân sự và vai trò quản trị con người trong tổ chức; (4) Chức năng và nội dung cốt lõi của Quản trị nguồn nhân lực trong một tổ chức. Ngoài ra, người học có cơ hội tiếp cận với các vấn đề liên quan đến sự thay đổi tổ chức và duy trì quan hệ tốt đẹp với nhân viên, cân bằng giữa các hoạt động trong tổ chức cùng các chính sách phù hợp với luật pháp của chính phủ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M); PLO2(M); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO (M); PLO9(M); PLO10(M).

### 5. Quản trị vận hành và công nghệ

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản trị vận hành và ứng dụng công nghệ trong quản lý vận hành doanh nghiệp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập toàn cầu và môi trường công nghệ thay đổi nhanh chóng. Học phần này giúp phát triển kỹ năng phân tích, thiết kế, và tối ưu hóa các quy trình vận hành và sản phẩm; xây dựng các chiến lược vận hành hiệu quả; chọn lựa công nghệ và áp dụng vào quá trình vận hành cũng như quản trị năng lực chiến lược của doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này còn góp phần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quản trị vận hành và công nghệ như khuyến khích tư duy sáng tạo, đổi mới. Hơn nữa, thông qua học phần này người học có cơ hội nâng cao năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong làm việc độc lập/làm việc nhóm.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Quản trị vận hành và công nghệ là học phần thuộc kiến thức ngành, trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về quản trị vận hành và công nghệ vận dụng trong doanh nghiệp trên cơ sở quan điểm quản trị hiện đại trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Học phần sẽ cung cấp cho người học các nội dung cơ bản sau: (1) Khái niệm, tầm quan trọng, thách thức và xu hướng của quản trị vận hành và công nghệ; (2) Chiến lược vận hành trong môi trường toàn cầu; (3) Thiết kế sản phẩm và dịch vụ; (4) Chọn lựa địa điểm sản xuất và bố trí mặt bằng; (5) Quản trị năng lực chiến lược; (6) Thiết kế và phân tích quy trình và (7) Áp dụng công nghệ vào quản trị vận hành.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO7(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

**6. Quản trị sự thay đổi****Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần Quản trị sự thay đổi giúp người học hình thành nền tảng kiến thức lý thuyết tổng quan về sự thay đổi và quản trị sự thay đổi. Bên cạnh các nền tảng kiến thức, học phần còn giúp người học phát triển những kỹ năng quản trị sự thay đổi như khả năng giao tiếp, tổ chức và làm việc nhóm, phân tích, tư duy giải quyết vấn đề trong tổ chức nhằm hướng đến sự thích nghi của tổ chức trong môi trường kinh doanh nhiều biến động. Người học có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng quản trị để thực hiện một số công việc, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác làm việc của cá nhân và của nhóm để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp liên quan trong thực tế công việc sau này.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Quản trị sự thay đổi thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo ngành Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và các ngành khác thuộc khối kinh tế. Quản trị sự thay đổi là học phần nghiên cứu những vấn đề chung của sự thay đổi và quản trị sự thay đổi; các nhân tố thúc đẩy và cản trở sự thay đổi; vượt rào cản trong quản trị sự thay đổi; chuyển đổi số; phân tích hiện trạng và định hướng sự thay đổi của tổ chức; tái cấu trúc doanh nghiệp; tái cơ cấu doanh nghiệp; mô hình quản trị với trí tuệ nhân tạo; các tình huống quản trị sự thay đổi. Đồng thời, học phần tạo tiền đề cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách thức giải quyết vấn đề về sự thay đổi của tổ chức trong xu thế hội nhập, toàn cầu hoá.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R); PLO2(R); PLO4(R); PLO7(R); PLO9(R); PLO10(R).

**7. Quản trị marketing toàn cầu****Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Mục tiêu của học phần này là củng cố và phát triển kiến thức và kỹ năng, năng lực tự chủ của người học về lĩnh vực quản trị marketing toàn cầu; đồng thời, học viên phát triển năng lực và khả năng ra quyết định quản trị marketing toàn cầu đem lại thành công cho doanh nghiệp/tổ chức.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nội dung của học phần bao gồm những khái niệm về marketing toàn cầu, quản trị marketing toàn cầu, phân tích môi trường và nghiên cứu marketing trong bối cảnh toàn cầu, phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu, định vị, các chiến lược thâm nhập thị trường toàn cầu, chiến lược marketing hỗn hợp, chiến lược cho thị trường mới nổi và đánh giá đo lường kết quả thực hiện các hoạt động marketing toàn cầu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO2(I); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO7(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

**8. Quản trị tài chính hiện đại****Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:



▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần hướng đến việc giúp người học áp dụng hiệu quả các lý thuyết tài chính vào thực tế doanh nghiệp, từ việc phân tích và tối ưu hóa cơ cấu vốn, đặc điểm tài chính công ty đa quốc gia, đến xây dựng các chiến lược quản trị tài chính phù hợp với bối cảnh kinh tế. Người học sẽ phát triển khả năng sử dụng các công cụ công nghệ và kỹ thuật phân tích hiện đại để giải quyết các thách thức tài chính, nâng cao năng lực quản trị và đóng góp vào sự thành công của doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần "Quản trị tài chính hiện đại" theo định hướng ứng dụng tập trung trang bị cho người học kiến thức cốt lõi và kỹ năng thực hành trong quản trị tài chính doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm các lý thuyết tài chính, các phương pháp phân tích cơ cấu vốn và giá trị doanh nghiệp, xây dựng chính sách cổ tức, và thực hành quản trị tài chính ở công ty đa quốc gia. Bên cạnh đó, học phần hướng dẫn người học cách ứng dụng các công cụ công nghệ hiện đại như phần mềm tài chính, phân tích dữ liệu, và hệ thống quản trị thông minh để hỗ trợ ra quyết định tài chính trong thực tiễn.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO2(I); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO7(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

## 9. Quản trị rủi ro kinh doanh

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần trang bị cho người học hiểu biết toàn diện về quản trị rủi ro doanh nghiệp. Sau học phần, người học có khả năng nhận dạng, phân tích được các loại rủi ro trong doanh nghiệp; có khả năng phân tích và dự báo và đánh giá những rủi ro và mức ảnh hưởng của rủi ro đến các mục tiêu của doanh nghiệp; có khả năng xây dựng kế hoạch thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro và xây dựng kế hoạch tài trợ tổn thất do rủi ro gây ra.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần "Quản trị rủi ro trong kinh doanh" thuộc khối kiến thức ngành của Chương trình đào tạo thạc sĩ, hướng ứng dụng nhằm cung cấp hiểu biết hệ thống và toàn diện về quản trị rủi ro trong kinh doanh đến những tình huống quản trị rủi ro trong doanh nghiệp. Học phần trình bày hệ thống những khái niệm, vai trò và phân loại rủi ro trong kinh doanh, phương pháp nhận dạng, đo lường và kiểm soát rủi ro trong kinh doanh, hệ thống khung quản trị rủi ro COSO và ISO, những tình huống quản trị rủi ro trong kinh doanh.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M); PLO2(M); PLO5(M); PLO7(M); PLO9(M).

## 10. Mô hình kinh tế mới

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức nền tảng để người học nắm bắt được các xu hướng chuyển đổi vĩ mô và toàn cầu tác động đến hoạt động của doanh nghiệp, từ đó có các chuẩn bị tương ứng cho doanh nghiệp nhằm chuyển đổi từng phần và toàn bộ doanh nghiệp theo mô hình mới. Học phần phù hợp với các lãnh đạo doanh nghiệp, quản lý cấp trung, lãnh đạo quản lý nhà nước, tư



vấn xây dựng chính sách và chiến lược.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho người học kiến thức và góc nhìn tổng quát về các mô hình kinh tế truyền thống và mô hình kinh tế mới nổi, trong đó các quốc gia và doanh nghiệp có xu hướng chuyển đổi theo nhằm phù hợp với xu hướng mới và nhờ đó gia tăng sự thích ứng, tăng năng lực cạnh tranh trong kinh doanh. Đầu tiên, kiến thức nền của học phần là một số mô hình kinh tế truyền thống tương ứng với các cuộc cách mạng công nghiệp từ 1.0 đến 4.0. Sau đó, trọng tâm của học phần là các mô hình kinh tế mới nổi trong những năm gần đây như Kinh tế tuần hoàn, Kinh tế xanh, Kinh tế số, Kinh tế tri thức và đổi mới sáng tạo. Tương ứng với mỗi mô hình kinh tế mới nổi là một nghiên cứu tình huống, trong đó chỉ ra cách thức mà Doanh nghiệp-Tổ chức chuyển đổi theo mô hình mới nhằm gia tăng khả năng thích ứng với biến đổi bất định và nhờ đó nâng cao năng lực cạnh tranh.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO2(I); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO7(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

### 11. Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Phương pháp nghiên cứu khoa học

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ phân tích định lượng dành cho dữ liệu sơ cấp và số liệu thứ cấp. Người học có khả năng sử dụng nhiều dạng mô hình định lượng đối với bộ dữ liệu mình đang có, trên cơ sở đó rút ra được mô hình nào là tối ưu nhất, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu nhất. Người học có khả năng sử dụng các phần mềm quen thuộc dành cho phân tích dữ liệu như: SPSS, AMOS, Eview, Stata, Rstudio. Từ việc nắm vững các công cụ phân tích dữ liệu người học có được sự tự tin và tự định trong các vấn đề nghiên cứu của mình, có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm với chính mình và nhóm làm việc.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các chương trình đào tạo cao học thuộc khối ngành Tài chính ngân hàng, Quản trị kinh doanh, quản lý kinh tế, Marketing theo định hướng nghiên cứu cũng như ứng dụng. Các nội dung của học phần này tập trung vào hai nhóm dữ liệu thường gặp trong nghiên cứu kinh tế: (1) Đối với dữ liệu sơ cấp: học phần cung cấp các kỹ thuật kiểm định thang đo, phân tích nhân tố, mô hình hồi quy tuyến tính, mô hình cấu trúc tuyến tính. (2) Đối với dữ liệu thứ cấp: học phần cung cấp các kỹ thuật dành cho dữ liệu chuỗi thời gian, dữ liệu bảng và các kiểm định cần thiết cho các dữ liệu dạng này.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO7(M); PLO8(M); PLO9(M).

### 12. Chuyên đề thực tế 1

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Các học phần thuộc kiến thức ngành

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Mục tiêu của học phần giúp học viên ứng dụng kiến thức vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề trong công việc, chủ động đóng góp ý kiến tạo giá trị cho hoạt động của đơn vị và rèn các kỹ năng để phát triển năng lực quản

trị cho bản thân.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Chuyên đề thực tế 1 thuộc khối kiến thức ngành, học phần này hướng tập trung vào việc giúp học viên có cơ hội thực hiện các dự án trong doanh nghiệp, ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn doanh nghiệp. Và thực hiện đề tài nghiên cứu được giao phù hợp với thực tế của doanh nghiệp. Người học quan sát và đánh giá được các chủ đề liên quan đến vận hành của doanh nghiệp, bao gồm: chiến lược, nhân sự, marketing và vận hành. Từ đó đề xuất được giải pháp nhằm hoàn thiện các hoạt động trên.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M); PLO7(M); PLO9(M); PLO10(M).

### 13. Lãnh đạo và Hành vi tổ chức

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Quản trị nguồn nhân lực nâng cao

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần "Lãnh đạo và Hành vi tổ chức" được thiết kế nhằm phát triển năng lực lãnh đạo ứng dụng và kỹ năng quản trị hiệu quả cho học viên chương trình thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh. Học phần trang bị cho học viên kiến thức toàn diện về các lý thuyết lãnh đạo và hành vi tổ chức, giúp họ hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi cá nhân, nhóm và tổ chức trong bối cảnh doanh nghiệp hiện đại.

▪ *Tóm tắt nội dung:* (1) Học phần "Lãnh đạo và Hành vi tổ chức" dành cho học viên chương trình thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh, định hướng đào tạo ứng dụng, nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để trở thành nhà lãnh đạo hiệu quả trong môi trường kinh doanh hiện đại. Học phần tập trung vào các lý thuyết cốt lõi và thực tiễn về lãnh đạo và hành vi tổ chức, bao gồm: động lực làm việc, hành vi nhóm, văn hóa tổ chức, truyền thông, quản lý thay đổi và ra quyết định. (2) Học viên sẽ học cách phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi cá nhân, nhóm và tổ chức, cũng như vai trò của lãnh đạo trong việc điều hướng các yếu tố này để tối ưu hóa hiệu suất tổ chức. Thông qua các bài tập thực hành, phân tích tình huống và dự án thực tế, học viên sẽ phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, lãnh đạo nhóm, giao tiếp và ra quyết định hiệu quả. (3) Học phần kết hợp lý thuyết học thuật với ứng dụng thực tiễn, hướng đến việc xây dựng năng lực lãnh đạo bền vững và thích nghi với các xu hướng thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R); PLO2(R); PLO3(R); PLO4(R); PLO5(R); PLO6(R); PLO7(R); PLO8(R); PLO9(R); PLO10(R).

### 14. Quản trị bán hàng nâng cao

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Quản trị marketing toàn cầu

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Mục tiêu của học phần giúp học viên có được những kiến thức về quản trị bán hàng nâng cao bao gồm hoạch định bán hàng, quản trị kênh bán hàng, quản trị bán sỉ (B2B), quản trị bán lẻ (B2C), tổ chức lực lượng bán hàng, lãnh đạo lực lượng bán hàng, kiểm soát hoạt động bán hàng, quản trị quan hệ khách hàng và quản trị bán hàng trong thời đại số. Bên cạnh những lý luận cơ bản về quản trị bán

hàng nâng cao, học phần cũng trình bày các nghiên cứu tình huống thực tế trong hoạt động quản trị bán hàng tại các doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Quản trị bán hàng nâng cao cung cấp cho người học các kiến thức về quản trị bán hàng nâng cao bao gồm hoạch định bán hàng, quản trị kênh bán hàng, quản trị bán sỉ (B2B), quản trị bán lẻ (B2C), tổ chức lực lượng bán hàng, lãnh đạo lực lượng bán hàng, kiểm soát hoạt động bán hàng, quản trị quan hệ khách hàng và quản trị bán hàng trong thời đại số. Những kiến thức của học phần được trình bày một cách có hệ thống từ những vấn đề lý luận cơ bản về quản trị bán hàng nâng cao đến những tình huống thực tế trong hoạt động quản trị bán hàng tại các doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

### 15. Quản trị dự án kinh doanh

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Quản trị tài chính hiện đại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý dự án một cách hiệu quả trong bối cảnh hiện đại đầy biến động. Về kiến thức: (1) Có khả năng thu thập, phân tích, tổng hợp các thông tin liên quan đến các yếu tố đầu vào, đầu ra của một dự án đầu tư. (2) Hiểu và vận dụng được các kỹ thuật khác nhau để quản lý tích hợp, quản lý phạm vi và quản lý tiến độ dự án. (3) Có khả năng phân tích, đánh giá, kiểm soát và quản lý một dự án thành công. Về kỹ năng: (1) Có kỹ năng thu thập, xử lý, phân tích, tổng hợp các thông tin liên quan đến các dự án, lập báo cáo tiến khả thi và khả thi cho dự án. (2) Có kỹ năng thẩm định, đánh giá tính hiệu quả của dự án trên các tiêu chí khác nhau. (3) Có kỹ năng tổ chức xây dựng, thẩm định, thực hiện và vận hành dự án một cách thành thạo và chuyên nghiệp. (4) Có khả năng nghiên cứu, tư duy phản biện, thuyết trình và làm việc nhóm. Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: (1) Có ý thức rèn luyện, học tập, nghiên cứu chuyên sâu và định hướng thành chuyên gia đối với lĩnh vực dự án. (2) Có quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một cách toàn diện và đúng đắn. (3) Nâng cao được đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nội dung học phần tập trung vào các phương pháp và công cụ thực tiễn, như: lựa chọn danh mục dự án phù hợp thông qua mô hình tài chính, xây dựng mạng lưới dự án và xác định đường găng (critical path), sử dụng phần mềm M.S. Project để lập kế hoạch và giám sát tiến độ, cùng áp dụng phương pháp giá trị đạt được (Earned Value) để đánh giá hiệu quả và trạng thái dự án. Ngoài các kỹ năng kỹ thuật, học phần còn nhấn mạnh vào khía cạnh quản lý con người và tổ chức, bao gồm: lãnh đạo, quản lý các bên liên quan, xây dựng đội ngũ, giải quyết xung đột, đàm phán và đảm bảo tính bền vững của dự án. Thông qua các tình huống thực tế, ví dụ điển hình và bài học ứng dụng, người học không chỉ hiểu sâu các thách thức đa chiều của quản lý dự án mà còn phát triển năng lực áp dụng linh hoạt vào thực tiễn, tạo ra giá trị bền vững và nâng cao hiệu quả công việc.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R); PLO2(M); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).



**16. Tạo lập mô hình kinh doanh****Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Quản trị chiến lược nâng cao

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần: Không

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Giúp cho học viên hiểu biết chuyên sâu về mô hình kinh doanh trong bối cảnh kinh doanh và cạnh tranh, sự tồn tại và phát triển của mô hình kinh doanh, cách thức tạo lập và quản trị mô hình kinh doanh của tổ chức. Đồng thời, học viên phát triển năng lực, kỹ năng và khả năng ra quyết định trong việc tạo lập mô hình kinh doanh, triển khai việc kinh doanh theo mô hình, tổ chức và quản trị toàn bộ hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp cho học viên các quan điểm về mô hình kinh doanh trong bối cảnh kinh doanh và cạnh tranh, cách thức tạo lập mô hình kinh doanh, thiết kế các yếu tố của mô hình kinh doanh và quản trị mô hình kinh doanh của tổ chức. Đồng thời, xem xét mối quan hệ giữa chiến lược kinh doanh và mô hình kinh doanh, đổi mới mô hình kinh doanh nói chung và các yếu tố của mô hình kinh doanh nói riêng, góp phần nâng cao năng lực kinh doanh và cạnh tranh của tổ chức.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R); PLO4(M); PLO7(R); PLO8(M); PLO9(R); PLO10(R).

**17. Chuyên đề thực tế 2 (QTKDTH)****Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Mục tiêu của học phần giúp học viên có cơ hội cho học viên tích hợp các kiến thức và kỹ năng có được qua các môn học của chương trình và áp dụng để giải quyết trọn vẹn một vấn đề cụ thể và có liên quan tới lĩnh vực quản trị kinh doanh. Từ đó, học viên hiểu và thiết kế được đề tài nghiên cứu trong kinh doanh và tiến hành nghiên cứu một cách khoa học; có kỹ năng thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin theo từng loại hình nghiên cứu; kỹ năng thiết kế, triển khai nghiên cứu và kỹ năng rút ra các kết luận và ra quyết định. Có khả năng bảo vệ đề tài nghiên cứu trước hội đồng; và thái độ tích cực trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu chuyên đề thực tế 2.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Chuyên đề thực tế 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, học phần này hướng tập trung vào việc giúp học viên có cơ hội thực hiện các dự án chuyên sâu trong doanh nghiệp, ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn doanh nghiệp. Là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra trong thực tiễn của doanh nghiệp hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới, xu hướng mới trong lĩnh vực quản trị kinh doanh vào thực tế tại doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

**18. Luật thương mại quốc tế nâng cao****Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng để người học có khả năng ứng dụng những kiến thức lý luận và pháp lý để phân tích, đánh giá và xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong quan hệ thương mại quốc tế trong bối cảnh đương đại, đồng thời thực hiện thành thạo kỹ năng làm việc độc lập, hoặc theo nhóm các công việc có liên quan đến ứng dụng pháp luật thương mại quốc tế vào thực tiễn.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

- Luật Thương mại quốc tế nâng cao là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo bậc thạc sĩ, chuyên ngành quản trị kinh doanh quốc tế. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức về các hiệp định chính của WTO, các cam kết đặc thù tại các FTAs (cách thức hoạt động, mục đích đàm phán, sự xung đột giữa pháp luật quốc gia và nghĩa vụ quốc tế). Ngoài ra, học phần Luật thương mại quốc tế nâng cao còn trang bị cho người học các quan điểm học thuật mới liên quan đến WTO và vai trò của WTO trước xu hướng hợp tác kinh tế khu vực thế hệ mới, mối đe dọa từ chủ nghĩa bảo hộ, thách thức về môi trường, chuẩn mực bảo vệ quyền con người và nền kinh tế số trong quan hệ ngoại thương.

- Đồng thời, người học được tiếp cận với các quan điểm pháp lý mới của pháp luật thương mại quốc tế và cách thức giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến các hoạt động thương mại quốc tế quan trọng như logistics, nhượng quyền thương mại và thương mại điện tử; từ đó hình thành và phát triển khả năng tư duy pháp lý, kỹ năng giải quyết vấn đề đúng pháp luật trong thương mại quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO2(I); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO7(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

## 19. Quản trị xuất nhập khẩu

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học viên giải quyết và thảo luận được về các tình huống ứng dụng trong thực tiễn quản trị xuất nhập khẩu. Kỳ vọng học viên có thể đảm nhận vị trí công việc chuyên viên, nhà điều hành cấp cao tại các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu và liên quan xuất nhập khẩu. Ngoài ra học viên có khả năng tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu và áp dụng vào thực tế về quản trị xuất nhập khẩu, bao gồm: nghiên cứu thị trường xuất nhập khẩu, lựa chọn đối tác, lập phương án kinh doanh xuất nhập khẩu, đàm phán, ký kết hợp đồng xuất nhập khẩu, tổ chức thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu, đánh giá, kiểm soát và quản trị rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu. Từ đó, học viên được trang bị các kiến thức, kỹ năng về giải quyết, thảo luận các tình huống và tự chủ, có trách nhiệm trong giải quyết, thảo luận tình huống ứng dụng trong thực tiễn quản trị xuất nhập khẩu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO2(I); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO7(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

## 20. Quản trị kinh doanh toàn cầu

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước:



❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Sau khi hoàn thành học phần này, học viên có khả năng phát hiện, giải thích, hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp để giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn quản trị kinh doanh toàn cầu diễn ra tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế. Kỳ vọng học viên có thể đảm nhận vị trí công việc của chuyên gia tư vấn về quản trị kinh doanh toàn cầu; chuyên viên, nhà điều hành cấp cao tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế; hoặc các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế đối ngoại.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về kinh doanh toàn cầu và quản trị kinh doanh toàn cầu (bao gồm: Tổng quan và quản trị kinh doanh toàn cầu; Quản trị kinh doanh toàn cầu trong môi trường đa văn hóa; Lý thuyết về thương mại quốc tế và chính sách thương mại toàn cầu; Quản trị chiến lược kinh doanh toàn cầu; Quản trị các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế; Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu; Quản trị khởi nghiệp kinh doanh toàn cầu), đồng thời vận dụng chúng để phát hiện, giải thích, giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn quản trị kinh doanh toàn cầu diễn ra tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO2(I); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO7(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

## 21. Quản trị Đầu tư quốc tế

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học viên có khả năng vận dụng những kiến thức thực tiễn để lựa chọn, triển khai, đánh giá hoạt động đầu tư quốc tế của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh doanh toàn cầu thường xuyên biến động, đồng thời có năng lực sáng tạo cần thiết để thực hiện độc lập hoặc theo nhóm các công việc thực hiện liên quan hoạt động đầu tư quốc tế của doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp các kiến thức nâng cao và chuyên sâu về đầu tư quốc tế như nguyên nhân hình thành đầu tư quốc tế, hình thức đầu tư quốc tế truyền thống và hiện đại trên thế giới hiện nay, các phương pháp đánh giá, lựa chọn, triển khai dự án đầu tư nước ngoài, các hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài của một doanh nghiệp hoặc một địa phương.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R); PLO2(R); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO7(R); PLO8(M); PLO9(R); PLO10(M).

## 22. Chuyên đề thực tế 2 (KDQT)

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Sau khi hoàn thành học phần này, học viên có khả năng vận dụng các kiến thức lý thuyết để phát hiện, giải thích, giải quyết những vấn đề thực tế phát sinh, phát triển từ hoạt động kinh doanh quốc tế tại các doanh nghiệp trong điều kiện toàn cầu hóa. Đồng thời hình thành tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, độc lập và sáng tạo trong quản lý điều hành doanh nghiệp, chịu được áp lực trong môi trường



cạnh tranh và kinh doanh trong điều kiện toàn cầu hóa.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Là học phần thuộc khối kiến thức ngành quản trị kinh doanh, định hướng chuyên ngành kinh doanh quốc tế, học phần này học viên sử dụng kiến thức về quản trị kinh doanh, kiến thức chuyên sâu về kinh doanh quốc tế để phân tích, đánh giá các hoạt động động kinh doanh quốc tế đang diễn ra tại các doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, các doanh nghiệp giao nhận và cung cấp dịch vụ Logistics qua đó nhận diện được ưu điểm, nhược điểm trong hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp này và đề xuất các giải pháp để khắc phục những hạn chế, tồn tại tại doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO7 (M), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M).

### 23. Đề án tốt nghiệp

**Tín chỉ: 09**

❖ Điều kiện tiên quyết: theo quy định thực hiện Đề án tốt nghiệp của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần: Toàn bộ nội dung chương trình

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần giúp người học vận dụng những kiến thức lý luận đã được học để phân tích, kiểm chứng và phát hiện những vấn đề thực tế từ đó đưa ra một số kiến nghị/giải pháp cụ thể để giải quyết những tồn tại của hiện tượng nghiên cứu. Đồng thời qua đó nâng cao tư duy, lý luận, phản biện đối với một vấn đề về khoa học quản lý, kinh doanh; là cơ sở để học viên rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu, làm việc độc lập khi ra trường.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Đề án tốt nghiệp cung cấp cơ hội giúp người học tìm hiểu, phân tích, đánh giá toàn diện các hoạt động quản trị kinh doanh một cách khoa học từ việc tìm hiểu và quan sát thực tế tại doanh nghiệp từ đó đề xuất các giải pháp ứng phó, giải quyết vấn đề nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tại doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A); PLO8(A); PLO9(A); PLO10(A)/.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH**



Phạm Tiến Đạt

*(Handwritten signature)*

PGS.TS Huỳnh Thị Thu Hương

## C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO

### 1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy

| STT | Tên tài liệu                                                                                                                          | Tên tác giả                     | Nhà xuất bản                            | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------|--------------|----------------------------------|
| 1   | Triết học (Chương trình sau đại học)                                                                                                  | Trường ĐH Tài chính - Marketing | Đại học Quốc gia Tp. HCM                | 2015         | Triết học                        |
| 2   | Giáo trình triết học (Dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn),               | ĐH Quốc gia Hà Nội              | NXB Chính trị Quốc gia sự thật.         | 2018         | Triết học                        |
| 3   | Giáo trình triết học: Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học | Bộ giáo dục và đào tạo          | Đại học Sư phạm                         | 2014         | Triết học                        |
| 4   | Lịch sử triết học phương Đông                                                                                                         | Nguyễn Đăng Thục                | Hồng Đức                                | 2017         | Triết học                        |
| 5   | Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học                                                                                            | Nguyễn Huy Hoàng                | NXB Tài chính                           | 2022         | Phương pháp nghiên cứu khoa học  |
| 6   | Strategic management concepts and cases.                                                                                              | David, F. R.                    | Prentice hall.                          | 2015         | Quản trị chiến lược nâng cao     |
| 7   | Strategic human resource management and employment relations: An international perspective                                            | Malik, A. (Ed.).                | Springer Nature                         | 2022         | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao |
| 8   | Personel/Human Resource Management, 16th Edition.                                                                                     | Mathis, R.L. & Jackson, J.S.    | West Publishing Company, San Francisco. | 2020         | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao |
| 9   | Operations and Supply Chain Management                                                                                                | Jacobs & Chase                  | Mc Graw Hill                            | 2024         | Quản trị vận hành và công nghệ   |
| 10  | Impacts of Technology on Operations                                                                                                   | Ullah et al                     | IGI Global.                             | 2024         | Quản trị vận hành                |

| STT | Tên tài liệu                                                                                                                           | Tên tác giả                                                       | Nhà xuất bản                 | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------|---------------------------------------|
|     | Management: Adoption, Adaptation, and Optimization                                                                                     |                                                                   |                              |              | và công nghệ                          |
| 11  | Giáo trình Quản trị công nghệ.                                                                                                         | Hoàng Đình Phi                                                    | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. | 2020         | Quản trị vận hành và công nghệ        |
| 12  | Quản Trị Vận Hành hiện đại                                                                                                             | Đặng Minh Trang & Lưu Đan Thọ                                     | NXB Tài Chính.               | 2015         | Quản trị vận hành và công nghệ        |
| 13  | Bài giảng quản lý công nghệ.                                                                                                           | Đặng Vũ Tùng                                                      | DHBKHN                       | 2019         | Quản trị vận hành và công nghệ        |
| 14  | Operations Management: Processes and supply chains                                                                                     | Krajewski et al                                                   | Perason.                     | 2022         | Quản trị vận hành và công nghệ        |
| 15  | Theory and practice of change management                                                                                               | Hayes, J                                                          | Bloomsbury Publishing        | 2022         | Quản trị sự thay đổi                  |
| 16  | Global marketing management, 9 <sup>th</sup> Edition                                                                                   | Masaaki Kotabe, Kristiaan Helsen                                  | Wiley                        | 2022         | Quản trị Marketing toàn cầu           |
| 17  | Corporate Finance                                                                                                                      | Ross, Westerfield, Jaffe                                          | McGraw Hill                  | 2019         | Quản trị tài chính hiện đại           |
| 17  | Quản trị rủi ro doanh nghiệp                                                                                                           | Nguyễn Thị Liên Diệp, Võ Tấn Phong, Ngô Quang Huân, Trần Anh Minh | NXB Hồng Đức                 | 2018         | Quản trị rủi ro kinh doanh            |
| 18  | Giáo trình Giới thiệu lý thuyết mô hình kinh tế.                                                                                       | Nguyễn Khắc Minh (chủ biên), Bùi Duy Phú, Đào Văn Khiêm           | Tài chính.                   | 2020         | Mô hình kinh tế mới                   |
| 19  | Practical Panel Modelling With Applications In Islamic Banking And Finance Research, National Committee of Islamic Economy and Finance | Mansor Ibrahim, Tika Arundina                                     | Indonesia                    | 2022         | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao |



| STT | Tên tài liệu                                                                                 | Tên tác giả                                                                                        | Nhà xuất bản                        | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------|---------------------------------------|
|     | (KNEKS)                                                                                      |                                                                                                    |                                     |              |                                       |
| 20  | Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính                                                    | Nguyễn Quang Dong                                                                                  | NXB Khoa học Kỹ Thuật               | 2010         | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao |
| 21  | Giáo trình sau đại học phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh (cập nhật Smart PLS) | Bùi Nhất Vương và Hà Nam Khánh Giao (đồng chủ biên)                                                | NXB Tài chính                       | 2024         | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao |
| 22  | Đề cương Chuyên đề thực tế 1                                                                 | Giảng viên hướng dẫn & Doanh nghiệp                                                                |                                     |              | Chuyên đề thực tế 1                   |
| 23  | Organizational Behavior                                                                      | Stephen P. Robbins and Timothy A. Judge.                                                           | Pearson Education Limited           | 2024         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức           |
| 24  | Lãnh đạo chuyển hóa – Transformational Leadership.                                           | Nguyễn Ngọc Toàn (dịch)                                                                            | NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh. | 2022         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức           |
| 25  | Sales Management Analysis and Decision Making                                                | Thomas N. Ingram, Raymond W. LaForge, Ramon A. Avila, Charles H. Schwepker Jr, Michael R. Williams | Routledge                           | 2024         | Quản trị bán hàng nâng cao            |
| 26  | Quản trị bán hàng hiện đại                                                                   | Nguyễn Văn Hiến                                                                                    | NXB Tài chính                       | 2016         | Quản trị bán hàng nâng cao            |
| 27  | Giáo trình Quản trị bán hàng                                                                 | Vũ Minh Đức & Vũ Huy Thông                                                                         | NXB Đại học Kinh tế quốc dân        | 2018         | Quản trị bán hàng nâng cao            |
| 28  | Giáo trình Quản trị bán hàng                                                                 | Lê Tấn Bửu                                                                                         | NXB Lao động Xã hội                 | 2015         | Quản trị bán hàng nâng cao            |
| 29  | A Guide to the Project Management Body of Knowledge (PMBOK Guild)                            | Project Management Institute                                                                       |                                     | 2017         | Quản trị dự án kinh doanh             |
| 30  | Quản trị dự án – Những                                                                       | Joseph Heagney                                                                                     | NXB Lao                             | 2012         | Quản trị                              |

| STT | Tên tài liệu                                   | Tên tác giả                           | Nhà xuất bản                                      | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần             |
|-----|------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------|----------------------------------|
|     | nguyên tắc căn bản                             |                                       | động – Xã hội                                     |              | dự án kinh doanh                 |
| 31  | Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư            | Phước Minh Hiệp                       | NXB Lao động – Xã hội                             | 2011         | Quản trị dự án kinh doanh        |
| 32  | Quản trị mô hình kinh doanh                    | Đặng Văn Mỹ                           | Tài liệu nghiên cứu và giảng dạy, lưu hành nội bộ | 2020         | Tạo lập mô hình kinh doanh       |
| 33  | Tạo lập mô hình kinh doanh (Sách dịch)         | Alexander Osterwalder và Yves Pigneur |                                                   | 2021         | Tạo lập mô hình kinh doanh       |
| 34  | Đề cương Chuyên đề thực tế 2                   | Giảng viên hướng dẫn & Doanh nghiệp   |                                                   |              | Chuyên đề thực tế 2              |
| 35  | Mai Hồng Quỳ và Trần Việt Dũng                 | Luật Thương mại quốc tế               | Đại học Quốc gia TP. HCM                          | 2012         | Luật Thương mại quốc tế nâng cao |
| 36  | Luật trọng tài thương mại                      |                                       | Chính trị quốc gia, Hà Nội.                       | 2010         | Luật Thương mại quốc tế nâng cao |
| 37  | Mastering import & export management           | Thomas A. Cook                        | AMACOM                                            | 2012         | Quản trị xuất nhập khẩu          |
| 38  | Giáo trình Cao học Quản trị Kinh doanh quốc tế | Hà Nam Khánh Giao                     | Kinh tế Tp.HCM                                    | 2017         | Quản trị kinh doanh toàn cầu     |
| 39  | International Business Management              | Vyuptakesh Sharan                     | Pearson                                           | 2012         | Quản trị kinh doanh toàn cầu     |
| 40  | Đầu tư quốc tế                                 | <sup>u</sup> Lê Quang Huy             | Kinh tế Tp.HCM                                    | 2013         | Quản trị Đầu tư quốc tế          |
| 41  | Global investments,                            | Solnik, B., &                         | Pearson                                           | 2013         | Quản trị                         |

| STT | Tên tài liệu                           | Tên tác giả                         | Nhà xuất bản   | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần |
|-----|----------------------------------------|-------------------------------------|----------------|--------------|----------------------|
|     | Pearson New International Edition, 6/E | McLeavey, D.                        | Education, Inc |              | Đầu tư quốc tế       |
| 42  | Đề cương Đề án tốt nghiệp              | Giảng viên hướng dẫn & Doanh nghiệp |                |              | Đề án tốt nghiệp     |

## 2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác

| STT | Tên tài liệu                                                                                                                          | Tên tác giả                          | Nhà xuất bản                    | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần            |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|--------------|---------------------------------|
| 1   | Giáo trình triết học (Dành cho học viên cáo học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn),               | ĐH Quốc gia Hà Nội                   | Chính trị Quốc gia sự thật.     | 2018         | Triết học                       |
| 2   | Giáo trình triết học: Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học | Bộ giáo dục và đào tạo               | Đại học Sư phạm                 | 2014         | Triết học                       |
| 3   | Lịch sử triết học phương Đông                                                                                                         | Nguyễn Đăng Thục                     | Hồng Đức                        | 2017         | Triết học                       |
| 4   | Triết học (Chương trình sau đại học)                                                                                                  | Trường ĐH Tài chính-Marketing        | ĐH Quốc gia TP.HCM              | 2015         | Triết học                       |
| 5   | Giáo trình triết học Mác – Lênin (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học)                    | Bộ GD&ĐT                             | Chính trị - Hành chính, Hà Nội. | 2010         | Triết học                       |
| 6   | Thực hành nghiên cứu trong Kinh tế và Quản trị kinh doanh,                                                                            | Nguyễn Văn Thắng                     | Đại học Kinh tế Quốc dân        | 2014         | Phương pháp nghiên cứu khoa học |
| 7   | Phương pháp điều tra khảo sát: nguyên lý và thực tiễn                                                                                 | Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nguyễn Vũ Hùng | Đại học Kinh tế Quốc dân        | 2015         | Phương pháp nghiên cứu khoa học |



| STT | Tên tài liệu                                                                                     | Tên tác giả                                                                    | Nhà xuất bản                            | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------|----------------------------------|
| 8   | Giáo trình kinh tế lượng                                                                         | Nguyễn Huy Hoàng                                                               | Tài chính.                              | 2024         | Phương pháp nghiên cứu khoa học  |
| 9   | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh                                                 | Nguyễn Đình Thọ                                                                | Lao động - Xã hội                       | 2014         | Phương pháp nghiên cứu khoa học  |
| 10  | Research Methods for Business: A Skill-Building Approach, 7 <sup>th</sup> ed.                    | Sekaran, U and Bougie, R.                                                      | Wiley                                   | 2016         | Phương pháp nghiên cứu khoa học  |
| 11  | The Practice of Social Research                                                                  | Babbie, E.R.,                                                                  | Belmont CA: Wadsworth                   | 2011         | Phương pháp nghiên cứu khoa học  |
| 12  | Quantitative social research methods.                                                            | Singh, K.                                                                      | Sage.                                   | 2007         | Phương pháp nghiên cứu khoa học  |
| 13  | Strategic management concepts and cases.                                                         | David, F. R.                                                                   | Prentice hall.                          | 2015         | Quản trị chiến lược nâng cao     |
| 14  | EBOOK: Crafting and executing strategy: The quest for competitive advantage: Concepts and cases. | Thompson, A., Janes, A., Peteraf, M., Sutton, C., Gamble, J., & Strickland, A. | McGraw hill.                            | 2013         | Quản trị chiến lược nâng cao     |
| 15  | Strategic human resource management and employment relations: An international perspective       | Malik, A. (Ed.).                                                               | Springer Nature                         | 2022         | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao |
| 16  | Personel/Human Resource Management, 16th                                                         | Mathis, R.L. & Jackson, J.S.                                                   | West Publishing Company, San Francisco. | 2020         | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao |

| STT | Tên tài liệu                                                                           | Tên tác giả                   | Nhà xuất bản             | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần           |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------|--------------|--------------------------------|
|     | Edition.                                                                               |                               |                          |              |                                |
| 17  | Operations Management: Sustainability and Supply chain management                      | Heizer et al                  | Pearson                  | 2020         | Quản trị vận hành và công nghệ |
| 18  | Technology Management: Activities and tools                                            | Cetindamar et al              | Palgrave publisher       | 2016         | Quản trị vận hành và công nghệ |
| 19  | Operations and Supply Chain Management                                                 | Jacobs & Chase                | Mc Graw Hill             | 2024         | Quản trị vận hành và công nghệ |
| 20  | Impacts of Technology on Operations Management: Adoption, Adaptation, and Optimization | Ullah et al                   | IGI Global.              | 2024         | Quản trị vận hành và công nghệ |
| 21  | Giáo trình Quản trị công nghệ.                                                         | Hoàng Đình Phi                | Đại học Quốc gia Hà Nội. | 2020         | Quản trị vận hành và công nghệ |
| 22  | Quản Trị Vận Hành hiện đại                                                             | Đặng Minh Trang & Lưu Đan Thọ | Tài chính                | 2015         | Quản trị vận hành và công nghệ |
| 23  | Bài giảng quản lý công nghệ.                                                           | Đặng Vũ Tùng                  | Đại học Bách khoa Hà Nội | 2019         | Quản trị vận hành và công nghệ |
| 24  | Operations and supply chain Management                                                 | Russel and Taylor             | John Wiley & Sons, Inc   | 2019         | Quản trị vận hành và công nghệ |
| 25  | Operations and supply chain Management                                                 | Collier and Evans             | Cengage                  | 2021         | Quản trị vận hành và công nghệ |
| 26  | Operations Management: Processes and supply                                            | Krajewski et al               | Perason.                 | 2022         | Quản trị vận hành và công      |

| STT | Tên tài liệu                                                                                       | Tên tác giả                                                       | Nhà xuất bản           | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần        |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------|-----------------------------|
|     | chains                                                                                             |                                                                   |                        |              | nghệ                        |
| 27  | Theory and practice of change management                                                           | Hayes, J                                                          | Bloomsbury Publishing  | 2022         | Quản trị sự thay đổi        |
| 28  | The theory and practice of change management. Fourth edition published.                            | Hayes, J                                                          | PALGRAVE MACMILLAN     | 2014         | Quản trị sự thay đổi        |
| 29  | Global marketing                                                                                   | Green, M. C., & Keegan, W. J.                                     | Pearson Education      | 2020         | Quản trị Marketing toàn cầu |
| 30  | Global marketing management, 3rd edition                                                           | Lee, K., & Carter, S.                                             | Oxford                 | 2011         | Quản trị Marketing toàn cầu |
| 31  | International marketing                                                                            | Cateora, P. R., Meyer, R. B. M. F., Gilly, M. C., & Graham, J. L. | McGraw-Hill Education  | 2020         | Quản trị Marketing toàn cầu |
| 32  | Global marketing management                                                                        | Kotabe, M. M., & Helsen, K.                                       | John Wiley & Sons.     | 2020         | Quản trị Marketing toàn cầu |
| 33  | Corporate Finance                                                                                  | Ross, Westerfield, Jaffe                                          | McGraw Hill            | 2019         | Quản trị tài chính hiện đại |
| 34  | Multinational Financial Management                                                                 | ALan C. Shapiro                                                   | Wiley                  | 2013         | Quản trị tài chính hiện đại |
| 35  | International Financial management, 11th edition,                                                  | Jeff Madura                                                       | Thompson South-Western | 2012         | Quản trị tài chính hiện đại |
| 36  | Tài chính công ty đa quốc gia                                                                      | Phan Thị Nhi Hiếu                                                 | Kinh tế TP.HCM         | 2015         | Quản trị tài chính hiện đại |
| 37  | Risk Management, Fundamentals Theory and Practice in Asia                                          | Lee, H                                                            | Springer, Singapore    | 2021         | Quản trị rủi ro kinh doanh  |
| 38  | Enterprise risk management: Today's leading research and best practices for tomorrow's executives. | Fraser, J. R., Quail, R., & Simkins, B.                           | John Wiley & Sons.     | 2021         | Quản trị rủi ro kinh doanh  |



| STT | Tên tài liệu                                          | Tên tác giả                                                        | Nhà xuất bản               | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                  |
|-----|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------|---------------------------------------|
| 39  | Quản trị rủi ro doanh nghiệp                          | Nguyễn Thị Liên Diệp, Võ Tấn Phong, Ngô Quang Huân, Trần Anh Minh. | Hồng Đức                   | 2018         | Quản trị rủi ro kinh doanh            |
| 40  | Giáo trình Giới thiệu lý thuyết mô hình kinh tế       | Nguyễn Khắc Minh (chủ biên), Bùi Duy Phú, Đào Văn Khiêm            | Tài chính                  | 2020         | Mô hình kinh tế mới                   |
| 41  | Analysis of Panel data                                | Cheng Hsiao                                                        | Cambridge University Press | 2002         | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao |
| 42  | Chuỗi thời gian. Phân tích và nhận dạng               | Nguyễn Hồ Quỳnh                                                    | Khoa học Kỹ thuật          | 2004         | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao |
| 43  | Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (Tập 1)         | Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc                                  | Hồng Đức                   | 2008         | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao |
| 44  | Đề cương Chuyên đề thực tế 1                          | Giảng viên hướng dẫn & Doanh nghiệp                                |                            |              | Chuyên đề thực tế 1                   |
| 45  | Đề cương Chuyên đề thực tế 2                          | Giảng viên hướng dẫn & Doanh nghiệp                                |                            |              | Chuyên đề thực tế 2                   |
| 46  | Organizational Behavior                               | Stephen P. Robbins and Timothy A. Judge.                           | Pearson Education Limited  | 2024         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức           |
| 47  | Leadership: Theory and Practice                       | Peter G. Northouse.                                                | SAGE Publications Ltd      | 2019         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức           |
| 48  | Organizational Culture and Leadership. Fifth Edition. | Edgar H. Schein.                                                   | John Wiley & Sons, Inc.    | 2017         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức           |
| 49  | Lãnh đạo chuyển hóa                                   | Nguyễn Ngọc                                                        | Tổng hợp thành             | 2022         | Lãnh đạo                              |

| STT | Tên tài liệu                                                        | Tên tác giả                                                                                        | Nhà xuất bản                                    | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------|-----------------------------|
|     | – Transformational Leadership.                                      | Toàn (dịch)                                                                                        | phổ Hồ Chí Minh                                 |              | và Hành vi tổ chức          |
| 50  | HBR's 10 Must Reads on Leadership.                                  | Harvard Business Review                                                                            | Harvard Business School Publishing Corporation. | 2017         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức |
| 51  | HBR's 10 Must Reads on Organizational Resilience                    | Harvard Business Review                                                                            | Harvard Business School Publishing Corporation. | 2020         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức |
| 52  | HBR's 10 Must Reads for Mid-level Managers                          | Harvard Business Review                                                                            | Harvard Business School Publishing Corporation. | 2023         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức |
| 53  | Sales Management Analysis and Decision Making                       | Thomas N. Ingram, Raymond W. LaForge, Ramon A. Avila, Charles H. Schwepker Jr, Michael R. Williams | Routledge                                       | 2024         | Quản trị bán hàng nâng cao  |
| 54  | Quản trị bán hàng hiện đại                                          | Nguyễn Văn Hiến                                                                                    | Tài chính                                       | 2016         | Quản trị bán hàng nâng cao  |
| 55  | Giáo trình Quản trị bán hàng                                        | Vũ Minh Đức & Vũ Huy Thông                                                                         | Đại học Kinh tế quốc dân                        | 2018         | Quản trị bán hàng nâng cao  |
| 56  | Giáo trình Quản trị bán hàng                                        | Lê Tấn Bửu                                                                                         | Lao động Xã hội                                 | 2015         | Quản trị bán hàng nâng cao  |
| 57  | Sales Management: The Dynamics of Selling and Sales Force Marketing | Lindell Phillip Chew                                                                               | McGraw -Hill                                    | 2019         | Quản trị bán hàng nâng cao  |
| 58  | Quản trị bán hàng - Bản dịch tiếng Việt                             | James M. Comer                                                                                     | TP.HCM                                          | 2002         | Quản trị bán hàng nâng cao  |
| 59  | Nghệ thuật quản trị bán hàng – Bản dịch tiếng Việt                  | Robert J. Calvin                                                                                   | Thống kê                                        | 2004         | Quản trị bán hàng nâng cao  |

| STT | Tên tài liệu                                                                          | Tên tác giả                           | Nhà xuất bản                                      | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------|----------------------------------|
| 60  | Kỹ năng và quản trị bán hàng                                                          | Lê Đăng Lăng                          | Thống kê                                          | 2009         | Quản trị bán hàng nâng cao       |
| 61  | Quản trị bán hàng hiện đại                                                            | Lưu Đan Thọ & Nguyễn Vũ Quân          | Tài chính                                         | 2016         | Quản trị bán hàng nâng cao       |
| 62  | A Guide to the Project Management Body of Knowledge (PMBOK Guide)                     | Project Management Institute          |                                                   | 2017         | Quản trị dự án kinh doanh        |
| 63  | Quản trị dự án – Những nguyên tắc căn bản                                             | Joseph Heagney                        | Lao động – Xã hội                                 | 2012         | Quản trị dự án kinh doanh        |
| 64  | Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư                                                   | Phước Minh Hiệp                       | Lao động – Xã hội                                 | 2011         | Quản trị dự án kinh doanh        |
| 65  | Quản trị mô hình kinh doanh                                                           | Đặng Văn Mỹ                           | Tài liệu nghiên cứu và giảng dạy, lưu hành nội bộ | 2020         | Tạo lập mô hình kinh doanh       |
| 66  | Tạo lập mô hình kinh doanh (Sách dịch)                                                | Alexander Osterwalder và Yves Pigneur |                                                   | 2021         | Tạo lập mô hình kinh doanh       |
| 67  | Business Model Generation, A Handbook for Visionaries, Game Changers, and Challengers | Alexander Osterwalder và Yves Pigneur | The Strategyzer series                            | 2010         | Tạo lập mô hình kinh doanh       |
| 68  | Mai Hồng Quý và Trần Việt Dũng                                                        | Luật Thương mại quốc tế               | Đại học Quốc gia TP.HCM                           | 2012         | Luật Thương mại quốc tế nâng cao |
| 69  | Luật trọng tài thương mại                                                             |                                       | Chính trị quốc gia, Hà Nội                        | 2010         | Luật Thương mại quốc tế nâng cao |
| 70  | A basic guide to international business law                                           | Keizer, J. & H. Wevers, H.            | Wolters Noordhof                                  | 2008         | Luật Thương mại quốc tế nâng cao |



| STT | Tên tài liệu                                               | Tên tác giả                              | Nhà xuất bản                  | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần         |
|-----|------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------|--------------|------------------------------|
|     |                                                            |                                          |                               |              | cao                          |
| 71  | Mastering import & export management                       | Thomas A. Cook                           | AMACOM                        | 2012         | Quản trị xuất nhập khẩu      |
| 72  | International Marketing and Export Management              | Albaum, G., Stradskov, J., and Duerr, E. | New York: Prentice Hall.      | 2002         | Quản trị xuất nhập khẩu      |
| 73  | International Trade                                        | Jonathan Reuvid & Jim Sherlock           | Kogan Page                    | 2011         | Quản trị xuất nhập khẩu      |
| 74  | Giáo trình Cao học Quản trị Kinh doanh quốc tế             | Hà Nam Khánh Giao                        | Kinh tế TP.HCM                | 2017         | Quản trị kinh doanh toàn cầu |
| 75  | International Business Management                          | Vyuptakesh Sharan                        | Pearson                       | 2012         | Quản trị kinh doanh toàn cầu |
| 76  | Đầu tư quốc tế                                             | Lê Quang Huy                             | Kinh tế Tp.HCM                | 2013         | Quản trị Đầu tư quốc tế      |
| 77  | Kỹ thuật đầu tư trực tiếp nước ngoài                       | Võ Thanh Thu & Ngô Thị Ngọc Huyền        | Nhà xuất bản Tổng hợp Tp.HCM. | 2011         | Quản trị Đầu tư quốc tế      |
| 78  | Global investments, Pearson New International Edition, 6/E | Solnik, B., & McLeavey, D.               | Pearson Education, Inc        | 2013         | Quản trị Đầu tư quốc tế      |

**3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT**

| STT | HỌ VÀ TÊN           | HỌC HÀM - HỌC VỊ | HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY                                    |
|-----|---------------------|------------------|----------------------------------------------------------------|
| 1   | Huỳnh Thị Thu Sương | PGS.TS           | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao<br>Lãnh đạo & Hành vi tổ chức |
| 2   | Trần Thế Nam        | TS               | Phương pháp nghiên cứu khoa học                                |
| 3   | Đặng Văn Mỹ         | PGS.TS           | Tạo lập mô hình kinh doanh                                     |
| 4   | Phạm Thị Ngọc Mai   | TS               | Quản trị bán hàng nâng cao                                     |
| 5   | Lượng Văn Quốc      | TS               | Phương pháp nghiên cứu khoa học<br>Quản trị bán hàng nâng cao  |
| 6   | Hồ Xuân Tiến        | TS               | Quản trị sự thay đổi                                           |
| 7   | Vũ Hồng Vân         | TS               | Phương pháp nghiên cứu khoa học                                |

| STT | HỌ VÀ TÊN             | HỌC HÀM - HỌC VỊ | HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY                                        |
|-----|-----------------------|------------------|--------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                  | Lãnh đạo & Hành vi tổ chức                                         |
| 8   | Nguyễn Phi Hoàng      | TS               | Quản trị vận hành và công nghệ                                     |
| 9   | Trần Vĩnh Hoàng       | TS               | Quản trị vận hành và công nghệ                                     |
| 10  | Phạm Hồng Hải         | TS               | Lãnh đạo & Hành vi tổ chức<br>Mô hình kinh tế mới                  |
| 11  | Trần Nguyễn Khánh Hải | TS               | Chuyên đề nghiên cứu tình huống                                    |
| 12  | Đình Thanh Nhân       | TS               | Quản trị rủi ro kinh doanh                                         |
| 13  | Hoàng Thu Thảo        | TS               | Quản trị dự án kinh doanh                                          |
| 14  | Võ Thái Huy Cường     | TS               | Quản trị dự án kinh doanh<br>Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao |
| 15  | Nguyễn Gia Ninh       | TS               | Quản trị chiến lược nâng cao                                       |
| 16  | Bảo Trung             | TS               | Quản trị marketing toàn cầu                                        |
| 17  | Nguyễn Xuân Hiệp      | TS               | Quản trị kinh doanh toàn cầu                                       |
| 18  | Lê Quang Huy          | TS               | Quản trị Đầu tư quốc tế                                            |
| 19  | Phạm Ngọc Dưỡng       | TS               | Quản trị xuất nhập khẩu                                            |
| 20  | Lại Văn Nam           | TS               | Triết học                                                          |
| 21  | Nguyễn Tấn Hưng       | TS               | Triết học                                                          |

#### 4. Đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn hướng dẫn luận văn/đề án tốt nghiệp

| STT | Họ tên                | Học hàm, năm phong | Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp | Ngành và chuyên ngành học | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------|----------------------------------------|---------------------------|---------|
| 1   | Huỳnh Thị Thu Sương   | PGS, 2021          | TS, 2013                               | Kinh doanh & Quản lý      |         |
| 2   | Trần Nhân Phúc        |                    | TS, 2019                               | Quản trị kinh doanh       |         |
| 3   | Trần Thế Nam          |                    | TS, 2021                               | Quản trị kinh doanh       |         |
| 4   | Phạm Thị Ngọc Mai     |                    | TS, 2018                               | Quản trị kinh doanh       |         |
| 5   | Lượng Văn Quốc        |                    | TS, 2023                               | Quản trị kinh doanh       |         |
| 6   | Hồ Xuân Tiến          |                    | TS, 2017                               | Kinh doanh & Quản lý      |         |
| 7   | Trần Nguyễn Khánh Hải |                    | TS, 2019                               | Kinh doanh & Quản lý      |         |
| 8   | Tô Anh Thơ            |                    | TS, 2020                               | Kinh tế                   |         |
| 9   | Vũ Hồng Vân           |                    | TS, 2019                               | Quản trị kinh doanh       |         |
| 10  | Nguyễn Gia Ninh       |                    | TS, 2020                               | Quản trị kinh doanh       |         |
| 11  | Phan Hồng Hải         |                    | TS, 2015                               | Quản trị kinh             |         |

| STT | Họ tên            | Học hàm, năm phong | Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp | Ngành và chuyên ngành học | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------|----------------------------------------|---------------------------|---------|
|     |                   |                    |                                        | doanh                     |         |
| 12  | Đinh Thanh Nhân   |                    | TS, 2020                               | Quản trị kinh doanh       |         |
| 13  | Trần Vĩnh Hoàng   |                    | TS, 2021                               | Quản trị kinh doanh       |         |
| 14  | Hoàng Thu Thảo    |                    | TS, 2022                               | Quản trị kinh doanh       |         |
| 15  | Nguyễn Phi Hoàng  |                    | TS, 2022                               | Quản trị kinh doanh       |         |
| 16  | Võ Thái Huy Cường |                    | TS, 2022                               | Quản trị kinh doanh       |         |
| 17  | Nguyễn Xuân Hiệp  |                    | TS, 2012                               | Quản trị kinh doanh       |         |

#### 5. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng

| STT | Họ tên                  | Chức vụ     | Đơn vị                   | Nhiệm vụ | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-------------|--------------------------|----------|---------|
| 1   | Hứa Nguyễn Thùy An      | Thư ký khoa | Khoa QTKD                |          |         |
| 2   | Võ Trần Sơn Nữ Tố Uyên  | Thư ký khoa | Khoa QTKD                |          |         |
| 3   | Trần Văn Tuấn           | Chuyên viên | Viện đào tạo Sau đại học |          |         |
| 4   | Đỗ Minh Hương           | Chuyên viên | Viện đào tạo Sau đại học |          |         |
| 5   | Huỳnh Thị Mỹ Diệu       | Chuyên viên | Viện đào tạo Sau đại học |          |         |
| 6   | Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên | Chuyên viên | Viện đào tạo Sau đại học |          |         |

#### D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo)



## E. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sự  
mang của Trường

| TLGD, SM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | PLOs |     |     |     |     |     |     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | PO1  | PO2 | PO3 | PO4 | PO5 | PO6 | PO7 |
| <b>Triết lý giáo dục:</b><br>Triết lý giáo dục của Trường Đại học Tài chính – Marketing trong giai đoạn tới là: “Thực chất, đổi mới sáng tạo và hội nhập”.                                                                                                                                                                                                                                                                | X    | X   | X   | X   | X   | X   | X   |
| <b>Sứ mạng của Trường:</b><br>Trường Đại học Tài chính - Marketing có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học, công nghệ về kinh doanh, quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. | X    | X   | X   | X   | X   | X   | X   |

**Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CDR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sự  
mang của Trường**

[illegible]

| TLGD, SM                                                                                                 | PLOs |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|
|                                                                                                          | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 |
| công tác hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |

**Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh với chương trình đào tạo của các trường khác**

| STT        | Trường Đại học Tài chính – Marketing         |    |    | STT | Trường Đại học Kinh tế TP.HCM                |    |    |
|------------|----------------------------------------------|----|----|-----|----------------------------------------------|----|----|
|            | Học phần                                     | LT | TH |     | Học phần                                     | LT | TH |
| <b>I</b>   | <b>Kiến thức chung</b>                       |    |    |     |                                              |    |    |
| 1          | Triết học                                    |    |    | 1   | Triết học                                    |    |    |
| 2          | Phương pháp nghiên cứu khoa học              |    |    | 2   | Phương pháp nghiên cứu khoa học              |    |    |
| <b>II.</b> | <b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b> |    |    |     |                                              |    |    |
| <b>2.1</b> | <b>Kiến thức bắt buộc</b>                    |    |    |     |                                              |    |    |
| 3          | Quản trị chiến lược nâng cao (*)             |    |    | 3   | Quản trị chiến lược nâng cao                 |    |    |
| 4          | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao (*)         |    |    | 4   | Quản trị nguồn nhân lực mang tính chiến lược |    |    |
| 5          | Quản trị vận hành và công nghệ (*)           |    |    | 5   | Quản trị điều hành nâng cao                  |    |    |
| 6          | Quản trị sự thay đổi                         |    |    | 6   | Quản trị chất lượng nâng cao                 |    |    |
| 7          | Quản trị marketing toàn cầu                  |    |    | 7   | Chiến lược marketing nâng cao                |    |    |
| 8          | Quản trị tài chính hiện đại                  |    |    | 8   | Tài chính nâng cao cho nhà quản trị          |    |    |
| 9          | Quản trị rủi ro kinh doanh                   |    |    | 9   | Quản trị rủi ro doanh nghiệp                 |    |    |
| 10         | Mô hình kinh tế mới                          |    |    | 10  | Triển khai chiến lược chuyên sâu             |    |    |
| 11         | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*)    |    |    | 11  | Phân tích dữ liệu kinh doanh                 |    |    |
| 12         | Chuyên đề thực tế 1                          |    |    | 12  | Bài tập: Chẩn đoán doanh nghiệp              |    |    |
| <b>2.2</b> | <b>Kiến thức chuyên ngành tự chọn</b>        |    |    |     |                                              |    |    |
| A          | Định hướng QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP      |    |    |     |                                              |    |    |

| STT | Trường Đại học<br>Tài chính – Marketing |    |    | STT | Trường Đại học Kinh tế TP.HCM         |    |    |
|-----|-----------------------------------------|----|----|-----|---------------------------------------|----|----|
|     | Học phần                                | LT | TH |     | Học phần                              | LT | TH |
| 13  | Lãnh đạo và hành vi tổ chức             |    |    | 13  | Lãnh đạo                              |    |    |
| 14  | Quản trị bán hàng nâng cao (*)          |    |    | 14  | Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề |    |    |
| 15  | Quản trị dự án kinh doanh               |    |    | 15  | Mô hình kinh doanh điện tử            |    |    |
| 16  | Tạo lập mô hình kinh doanh              |    |    |     |                                       |    |    |
| 17  | Chuyên đề thực tế 2                     |    |    | 16  | Chuyên đề: Đề án kinh doanh thực tiễn |    |    |
| B   | Định hướng KINH DOANH QUỐC TẾ           |    |    |     |                                       |    |    |
| 18  | Luật thương mại quốc tế nâng cao (*)    |    |    |     | Quản trị sáng tạo và đổi mới          |    |    |
| 19  | Quản trị xuất nhập khẩu                 |    |    | 18  | Quản trị khởi nghiệp                  |    |    |
| 20  | Quản trị kinh doanh toàn cầu            |    |    | 19  | Kế toán quản trị chiến lược           |    |    |
| 21  | Quản trị Đầu tư quốc tế                 |    |    |     |                                       |    |    |
| 22  | Chuyên đề thực tế 2                     |    |    | 20  | Chuyên đề: Đề án kinh doanh thực tiễn |    |    |
| III | Tốt nghiệp                              |    |    |     |                                       |    |    |
| 23  | Đề án tốt nghiệp                        |    |    | 21  | Đề án tốt nghiệp                      |    |    |





BỘ TÀI CHÍNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH**

*Định hướng nghiên cứu*

*Năm 2024*





## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                          |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....                                                                                                                      | 1  |
| 1. CĂN CỨ XÂY DỰNG.....                                                                                                                                  | 1  |
| 2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....                                                                                                                  | 1  |
| 3. THÔNG TIN CHUNG.....                                                                                                                                  | 1  |
| 4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO .....                                                                                                                                | 2  |
| 5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs).....                                                                                                         | 3  |
| 6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 61 tín chỉ .....                                                                                                      | 4  |
| 7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP .....                                                                                                         | 4  |
| 8. TUYỂN SINH.....                                                                                                                                       | 5  |
| 9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:.....                                                                                                                | 7  |
| 10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....                                                                                                                   | 7  |
| 11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VỚI CDR CỦA CTĐT .....                                                                       | 9  |
| 12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC.....                                                                                                                           | 10 |
| 13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ.....                                                                                                                   | 13 |
| 14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....                                                                                                       | 14 |
| 14.1. Tổ chức đào tạo: .....                                                                                                                             | 14 |
| 14.2. Kế hoạch đào tạo: .....                                                                                                                            | 15 |
| B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....                                                                                              | 16 |
| C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO.....                                                                                                                        | 28 |
| 1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy .....                                                                                                              | 28 |
| 2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác .....                                                                                               | 31 |
| 3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT ..... | 39 |
| 4. Đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn hướng dẫn luận văn/đề án tốt nghiệp.....                                                                        | 39 |
| 5. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng.....                                                                                                          | 40 |
| D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo).....                                                                                       | 40 |
| E. PHỤ LỤC.....                                                                                                                                          | 41 |
| Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường.....                                                         | 41 |
| Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CDR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường .....                                                             | 41 |
| Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh với chương trình đào tạo của các trường khác.....                               | 42 |



## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~3522~~ /QĐ-ĐHTCM ngày ~~20~~ tháng ~~12~~ năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

### **A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. CĂN CỨ XÂY DỰNG**

Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 về của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

#### **2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu Ngành Quản trị kinh doanh theo hệ thống tín chỉ hiện tại được xây dựng lần đầu tiên năm 2016. Chương trình được cập nhật theo hướng tiếp cận mới với mục tiêu đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan gồm người sử dụng lao động, giảng viên, cựu người học và người học được khảo sát định kỳ; cùng với sự thay đổi trong chuẩn năng lực theo quy định của Nhà nước về đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh, sự thay đổi về Triết lý giáo dục và cơ cấu hoạt động theo hướng tự chủ của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Chương trình được thiết kế thời gian trung bình 2 năm và 61 tín chỉ, trong đó thực hiện 12 tín chỉ tốt nghiệp.

Chủ trì ngành/chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá.

### **3. THÔNG TIN CHUNG**

#### **3.1. Tên chương trình đào tạo: Quản trị Kinh doanh**

#### **3.2. Trình độ: thạc sĩ**



**3.3. Định hướng đào tạo:** nghiên cứu

**3.4. Văn bằng tốt nghiệp:** Thạc sĩ

**3.5. Mã ngành đào tạo:** 8340101

**3.6. Thời gian đào tạo:** 2 năm. Thời gian học tập tối đa: 4 năm.

**3.7. Loại hình đào tạo:** Chính quy

**3.8. Số tín chỉ yêu cầu:** 61

**3.9. Khoa quản lý:** Khoa Quản trị kinh doanh

**3.10. Ngôn ngữ sử dụng:** Tiếng Việt

**3.11. Chứng nhận chất lượng:** 751/QĐ-KĐCLSGDSG ngày 15/9/2024

**3.12. Website:** [ufm.edu.vn](http://ufm.edu.vn)

**3.13. Các chương trình tham khảo, đối sánh:** UEH, NEU, NUS

**3.14. Năm rà soát, cập nhật:** 2024

**3.15. Vị trí việc làm:** Sau khi tốt nghiệp Chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh, người học có thể đảm nhiệm một trong số các vị trí sau đây:

- Nhà hoạch định chiến lược và chính sách kinh doanh trong các tổ chức/doanh nghiệp/ tập đoàn.

- Nhà nghiên cứu, các giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý.

## **4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

### **4.1. Mục tiêu chung**

Mục tiêu chính của chương trình thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh theo định hướng nghiên cứu nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị kinh doanh quốc tế và Quản trị Marketing; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực khoa học chuyên ngành và kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập và tự nghiên cứu để giải quyết những vấn đề thuộc ngành chuyên ngành được đào tạo. Chương trình góp phần đào tạo nguồn nhân lực quản trị kinh doanh theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực. Bên cạnh đó, chương trình còn hỗ trợ người học tiếp tục nghiên cứu sâu hơn ở bậc học cao hơn.

### **4.2. Mục tiêu cụ thể**

❖ *Về kiến thức:*

- **PO1:** Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực chuyên ngành và tư duy phản biện, để đánh giá các vấn đề liên quan đến chuyên ngành.

- **PO2:** Lựa chọn và thiết lập các giải pháp về quản trị chuyên ngành, nghiên cứu và đề xuất các sáng kiến.

❖ *Về kỹ năng:*

- **PO3:** Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới

trong ngành quản trị kinh doanh.

- **PO4:** Kỹ năng phân tích dữ liệu, chính sách để hoạch định và ra quyết định quản trị. Có khả năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong phân tích dữ liệu và nghiên cứu chuyên ngành.

- **PO5:** Có kỹ năng tư duy, sáng tạo để giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- **PO6:** Có năng lực tự nghiên cứu và phát hiện vấn đề thuộc Ngành Quản trị kinh doanh và từ đó đề xuất đổi mới sáng tạo.

- **PO7:** Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn.

## 5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Chương trình được thiết kế đảm bảo người học đạt tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

❖ *Về kiến thức:*

- **PLO1:** Đối chiếu các kiến thức sâu rộng của ngành và liên ngành với các kiến thức thực tế tại doanh nghiệp và tổ chức.

- **PLO2:** Đánh giá và tranh luận các vấn đề chuyên sâu lĩnh vực Quản trị kinh doanh, từ đó khám phá và nghiên cứu các kiến thức mới.

- **PLO3:** Hoạch định chiến lược và chính sách cho các tổ chức và doanh nghiệp thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

- **PLO4:** Lập luận, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

❖ *Về kỹ năng:*

- **PLO5:** Phân tích, tổng hợp dữ liệu và thông tin thành thạo để đưa ra các giải pháp về quản trị một cách khoa học

- **PLO6:** Truyền đạt tri thức thành thạo dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với những người cùng ngành và liên ngành.

- **PLO7:** Nghiên cứu phát triển và sử dụng được khoa học công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.

- **PLO8:** Quản lý, đánh giá và cải tiến, sáng tạo trong các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- **PLO9:** Tự nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

- **PLO10:** Thích nghi, tự định hướng, tôn trọng đạo đức và trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.



## 6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 61 tín chỉ

| TT | Định hướng nghiên cứu                 |           |            |
|----|---------------------------------------|-----------|------------|
|    | Khối lượng kiến thức                  | Tín chỉ   | Tỷ lệ %    |
| 1  | Khối kiến chung                       | 7         | 11,5       |
| 2  | Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp | 42        | 68,85      |
| 3  | Tốt nghiệp                            | 12        | 19,67      |
|    | <b>Tổng</b>                           | <b>61</b> | <b>100</b> |

## 7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

### 7.1. Quy trình đào tạo

- Quy trình đào tạo được Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về tuyển sinh trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 1772/QĐ/ĐHTCM-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 124/QĐ-ĐHTCM-ĐTSDH ngày 10/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên giảng dạy ở trình độ thạc sĩ phải tuân thủ các quy định hiện hành của Trường và pháp luật của quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan. Cơ sở đào tạo được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

### 7.2. Địa điểm đào tạo

- Tổ chức đào tạo tại các cơ sở của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 23/2021/BGDĐT ban hành ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

- Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện đào tạo các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

### 7.3. Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có): không có

### 7.4. Điều kiện tốt nghiệp, bằng cấp và bằng điểm:

#### a) Điều kiện tốt nghiệp:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn tốt nghiệp đạt yêu cầu, đã hoàn tất việc nộp hồ sơ sau bảo vệ;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo



trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

*b) Cấp bằng, cấp bằng điểm*

Theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

## **8. TUYỂN SINH**

### **8.1. Chỉ tiêu tuyển sinh**

Theo chỉ tiêu được xét duyệt từ BGD&ĐT đối với năng lực đào tạo của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

### **8.2. Phương thức tuyển sinh**

- Phương thức tuyển sinh trình độ thạc sĩ gồm: xét tuyển đối với trình độ đại học và văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên.

- Các môn xét tuyển bao gồm hai môn cơ sở ngành phù hợp trình độ đại học, cụ thể:

+ Quản trị học

+ Kinh tế học

### **8.3. Chuẩn đầu vào**

*a) Yêu cầu về văn bằng :*

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị Kinh doanh từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Công bố khoa học của người dự tuyển liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu bao gồm bài báo trên tạp chí khoa học, tham luận được đăng trong kỷ yếu hội thảo đã xuất bản; đề tài, đề án khoa học từ cấp cơ sở trở lên trong thời hạn 5 năm tính đến ngày dự tuyển.

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Quản trị Kinh doanh và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với Chương trình gồm 2 học phần (5 tín chỉ).

- Có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác với ngành Quản trị Kinh doanh và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với Chương trình gồm 4 học phần (9 tín chỉ).

*b) Yêu cầu thâm niên công tác: Không*

*c) Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ:*

Được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

### **8.4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi học phần**

a) Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần

khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ ngành khác. Các học phần đã học phải có trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường với số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

b) Sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing đang học chương trình đào tạo đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại của Trường với số tín chỉ không vượt quá 15 tín chỉ.

c) Những học phần đã học ở chương trình đại học hoặc chương trình thạc sĩ ngành khác được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Cùng nội dung giảng dạy; Đáp ứng chuẩn đầu ra, bằng hoặc lớn hơn khối lượng học tập trong chương trình đào tạo thạc sĩ của trường;
- Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;
- Thời điểm hoàn thành không quá 5 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ.

## **8.5. Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)**

### **8.5.1. Ngành đúng, ngành gần, ngành khác**

Ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực Quản trị kinh doanh bao gồm các ngành về chức năng quản trị, kinh doanh và quản lý; các ngành về lĩnh vực quản trị quản lý; các ngành về công cụ quản trị, quản lý. Ngành liên quan trực tiếp bao gồm:

a) Ngành đúng: ngành đào tạo trình độ đại học trùng tên với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Quản trị Kinh doanh.

b) Ngành gần: các ngành đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, nhưng khác với ngành đúng.

c) Ngành khác: các ngành đào tạo trình độ đại học khác không phải ngành đúng, ngành gần, nhưng có liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

### **8.5.2. Danh sách các học phần học bổ sung đối với ngành gần và ngành khác**

❖ *Ngành đúng:* ngành Quản trị kinh doanh

❖ *Ngành gần:* các ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, nhưng không đúng ngành Quản trị kinh doanh. Môn học bổ sung kiến thức gồm 2 môn, 5 tín chỉ, cụ thể:

| TT | Môn học      | Số tín chỉ |
|----|--------------|------------|
| 1  | Kinh tế học  | 3          |
| 2  | Quản trị học | 2          |



❖ *Ngành khác*: các ngành khác kinh doanh và quản lý. Môn học bổ sung kiến thức gồm 4 môn, 9 tín chỉ, cụ thể:

| TT | Môn học             | Số tín chỉ |
|----|---------------------|------------|
| 1  | Kinh tế học         | 3          |
| 2  | Quản trị học        | 2          |
| 3  | Quản trị vận hành   | 2          |
| 4  | Quản trị chiến lược | 2          |

### 9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của học viên theo quy định của Trường và tuân thủ theo Chương III, Điều 7 Mục 6 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

| TT                                       | Mã học phần        | Tên học phần<br>(Tiếng Việt)         | Tên học phần<br>(Tiếng Anh)          | Định hướng nghiên cứu |            |    |
|------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|------------|----|
|                                          |                    |                                      |                                      | Tổng số TC            | Phân bố TC |    |
|                                          |                    |                                      |                                      |                       | NC         | TT |
| 1. Khối kiến chung                       |                    |                                      |                                      | 7                     |            |    |
| 1                                        | S_ABA002           | Triết học                            | Philosophy                           | 4                     |            |    |
| 2                                        | S_ABA101           | Phương pháp nghiên cứu khoa học      | Research methods                     | 3                     | 3          |    |
| 2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp |                    |                                      |                                      | 42                    |            |    |
| 2.1                                      | Kiến thức bắt buộc |                                      |                                      | 30                    |            |    |
| 3                                        | S_ABA102           | Mô hình kinh tế mới                  | New economic models                  | 3                     |            |    |
| 4                                        | S_ABA103           | Quản trị chiến lược nâng cao (*)     | Advanced strategic management        | 3                     | 1          |    |
| 5                                        | S_ABA104           | Quản trị vận hành và công nghệ (*)   | Operations and technology management | 3                     | 1          |    |
| 6                                        | S_ABA008           | Quản trị sự thay đổi                 | Change management                    | 3                     |            |    |
| 7                                        | S_ABA005           | Quản trị marketing toàn cầu          | Global marketing management          | 3                     |            |    |
| 8                                        | S_ABA105           | Quản trị tài chính hiện đại          | Modern financial management          | 3                     |            |    |
| 9                                        | S_ABA106           | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao (*) | Advanced human resources management  | 3                     | 1          |    |
| 10                                       | S_ABA107           | Quản trị rủi ro kinh                 | Business risk                        | 3                     |            |    |



| TT                                                                 | Mã học phần                             | Tên học phần<br>(Tiếng Việt)              | Tên học phần<br>(Tiếng Anh)            | Định hướng nghiên cứu |            |    |
|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------|------------|----|
|                                                                    |                                         |                                           |                                        | Tổng số TC            | Phân bố TC |    |
|                                                                    |                                         |                                           |                                        |                       | NC         | TT |
|                                                                    |                                         | doanh                                     | management                             |                       |            |    |
| 11                                                                 | S_ABA108                                | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*) | Advanced business data analytics       | 3                     | 3          |    |
| 12                                                                 | S_ABA109                                | Nghiên cứu tình huống                     | Case study                             | 3                     | 3          |    |
| 2.2                                                                | Kiến thức chuyên ngành tự chọn:         |                                           |                                        | 12                    |            |    |
| Chọn: 1 trong 2 định hướng sau (12 tín chỉ tương đương 4 học phần) |                                         |                                           |                                        |                       |            |    |
| A                                                                  | Định hướng QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP |                                           |                                        |                       |            |    |
| 13                                                                 | S_ABA111                                | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức               | Leadership and organizational behavior | 3                     |            |    |
| 14                                                                 | S_ABA112                                | Quản trị bán hàng nâng cao (*)            | Advanced Sales management              | 3                     |            |    |
| 15                                                                 | S_ABA014                                | Quản trị dự án kinh doanh                 | Managing business project              | 3                     |            |    |
| 16                                                                 | S_ABA113                                | Tạo lập mô hình kinh doanh                | Create a business                      | 3                     |            |    |
| A                                                                  | Định hướng KINH DOANH QUỐC TẾ           |                                           |                                        |                       |            |    |
| 17                                                                 | S_ABA115                                | Luật thương mại quốc tế nâng cao (*)      | Advanced international business law    | 3                     |            |    |
| 18                                                                 | S_ABA026                                | Quản trị xuất nhập khẩu                   | Export import management               | 3                     |            |    |
| 19                                                                 | S_ABA116                                | Quản trị kinh doanh toàn cầu              | Global business management             | 3                     |            |    |
| 20                                                                 | S_ABA117                                | Quản trị đầu tư quốc tế                   | Interbational investment management    | 3                     |            |    |
| 3. Tốt nghiệp                                                      |                                         |                                           |                                        | 12                    |            |    |
| 21                                                                 | S_ABA119                                | Luận văn tốt nghiệp                       | Master of Graduation thesis            | 12                    |            |    |
| Tổng số tín chỉ khóa học                                           |                                         |                                           |                                        | 61                    | 12         |    |

**11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VỚI CDR CỦA CTĐT**

| STT        | Tên học phần                                   | PLO  |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
|------------|------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|
|            |                                                | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 |
| <b>I</b>   | <b>Kiến thức chung</b>                         |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 1          | Triết học                                      | I    | I    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M     |
| 2          | Phương pháp nghiên cứu khoa học                | R    |      | R    | R    | M    |      | M    | R    | R    |       |
| <b>II.</b> | <b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>   |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| <b>2.1</b> | <b>Kiến thức bắt buộc</b>                      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 3          | Mô hình kinh tế mới                            | I    | I    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M     |
| 4          | Quản trị chiến lược nâng cao (*)               |      | R    | M    |      | M    | R    |      |      | R    | R     |
| 5          | Quản trị vận hành và công nghệ (*)             |      | M    | M    | M    | M    |      |      | M    | M    | M     |
| 6          | Quản trị sự thay đổi                           | R    | R    |      | R    |      |      | R    |      | R    | R     |
| 7          | Quản trị marketing toàn cầu                    | I    | I    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M     |
| 8          | Quản trị tài chính hiện đại                    | I    | I    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M     |
| 9          | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao (*)           | R    | M    | M    | R    | M    | M    |      | M    | M    | A     |
| 10         | Quản trị rủi ro kinh doanh                     | M    | M    |      |      | M    | M    |      |      | M    |       |
| 11         | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*)      | M    |      | M    | M    | M    |      | M    | M    | M    |       |
| 12         | Nghiên cứu tình huống                          | R    | R    |      |      |      | R    | R    |      |      | R     |
| <b>2.2</b> | <b>Kiến thức chuyên ngành tự chọn</b>          |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| <b>A</b>   | <b>Định hướng QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP</b> |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 13         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức                    | R    | R    | R    | R    | R    | R    | R    | R    | R    | R     |
| 14         | Quản trị bán hàng nâng cao (*)                 | I    |      | M    | M    | M    |      |      | M    | M    | M     |
| 15         | Quản trị dự án kinh doanh                      | R    | M    | M    | M    | M    | M    |      | M    | M    | M     |
| 16         | Tạo lập mô hình kinh doanh                     |      |      | R    | M    |      |      | R    | M    | R    | R     |
| <b>B</b>   | <b>Định hướng KINH DOANH QUỐC TẾ</b>           |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 17         | Luật thương mại quốc tế nâng cao (*)           | I    | I    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M     |

| STT        | Tên học phần                 | PLO  |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
|------------|------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|
|            |                              | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 |
| 18         | Quản trị xuất nhập khẩu      | I    | I    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M     |
| 19         | Quản trị kinh doanh toàn cầu | I    | I    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M    | M     |
| 20         | Quản trị đầu tư quốc tế      | R    | R    | M    | M    | M    | M    | R    | M    | R    | M     |
| <b>III</b> | <b>Tốt nghiệp</b>            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
| 21         | Luận văn tốt nghiệp          |      |      |      | A    |      |      |      | A    | A    | A     |

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu.
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần phải có.

## 12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

### 12.1. Phương pháp giảng dạy

#### ❖ Lý thuyết:

##### *Thuyết giảng:*

- Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Học viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

- Chú trọng tính hàn lâm của chương trình kết hợp với các mô hình/xu hướng của quản trị đương đại, đặc biệt các học phần chuyên ngành mỗi học phần sẽ giảng dạy lý thuyết và thảo luận, nghiên cứu các công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế.

- Kết hợp quá trình giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên và tự nghiên cứu của học viên, đề cao và khuyến khích tính tự chủ, năng động trong học tập và nghiên cứu của học viên.

**Thảo luận/đàm thoại:** Là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, học viên nêu quan điểm cá nhân, và giải thích phân tích kỹ để thuyết phục người nghe về quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, học viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.



**Phương pháp dạy học theo nhóm:** Đây là một trong những phương pháp dạy học tích cực được đánh giá cao hiện nay, giúp Người học nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm và khả năng giao tiếp Người học. Giảng viên sẽ giới thiệu về chủ đề, xác định nhiệm vụ chung cho các nhóm, tạo nhóm. Người học sẽ lên kế hoạch cho các công việc cần làm, đặt ra các quy tắc làm việc chung, xử lý các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả đạt được. Sau đó, các nhóm lần lượt báo cáo kết quả giảng viên sẽ đánh giá kết quả.

**Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề:** Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, Người học vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

**Phương pháp đóng vai:** Phương pháp giảng dạy mà giảng viên thiết lập và đưa ra các tình huống để Người học tham gia đóng vai các vai trò khác nhau. Mục đích chính của phương pháp này là tạo ra một không gian trải nghiệm, giúp Người học học hỏi hiệu quả hơn thông qua việc tham gia vào các tình huống thực tế hoặc giả tưởng. Qua quá trình đóng vai, Người học có cơ hội tương tác với nhau qua các vai diễn, từ đó phát triển các kỹ năng quan trọng như giao tiếp, ứng xử và làm việc nhóm. Sự đa dạng của các tình huống không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp. Yếu tố này làm người học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống.

#### ❖ Thực hành:

**Thuyết trình:** Giảng viên yêu cầu học viên chuẩn bị trước một chủ đề, phân thành nhóm nhỏ với số lượng từ 3 – 5 sinh viên, chuẩn bị nội dung trình chiếu Slide. Trình bày nội dung trước lớp với thời gian từ 20 đến 30 phút. Sau khi thuyết trình, các thành viên trong nhóm sẽ trả lời câu hỏi phản biện của các nhóm còn lại.

**Tổ chức Seminar:** Một buổi báo cáo kết quả chuyên đề học tập, mà trong đó học viên chính là người phải chủ động hoàn toàn mọi bước từ khâu chuẩn bị tài liệu học tập, trình bày nội dung và đưa dẫn chứng. Tiếp đó là trao đổi, thảo luận với các thành viên khác và sau cũng phải tự rút ra được kết luận về nội dung học hay vấn đề khoa học vừa đề cập đến. Cuối cùng là đề xuất các phương án hoặc hướng đi mới để phát triển mở rộng nội dung.

**Bài tập tình huống:** Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy học viên làm trung tâm, giúp học viên hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu học viên giải quyết, giúp học viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

**Tổ chức thực hành theo nhóm:** Tổ chức thành các nhóm tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp học viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng

trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty.

## 12.2. Phương pháp học tập của người học

### ❖ Hướng dẫn tự học:

Học viên được cung cấp các bản mô tả các vấn đề về tổ chức, các tình huống diễn ra và mỗi người sẽ tự phân tích các tình huống, dự đoán vấn đề và trình bày các phương pháp giải quyết của mình sau đó thảo luận nhóm để tìm ra giải pháp tối ưu.

### ❖ Tự học:

Học viên tự học theo tài liệu giảng viên cung cấp.

- **Trong trường hợp Tự học theo cá nhân:** Người học làm việc theo cá nhân hoặc nhóm theo quy định của giảng viên, tự nghiên cứu bài giảng, thực hiện các yêu cầu của giảng viên về nội dung, sản phẩm cần thực hiện.

### - Trong trường hợp Tự học theo nhóm:

+ Nhóm trưởng thay mặt nhóm làm việc và chịu trách nhiệm với giảng viên về công việc của nhóm mình; có trách nhiệm phân công công việc và đánh giá hiệu quả công việc của các thành viên trong nhóm.

+ Các nhóm có trách nhiệm nghiên cứu nội dung tự học và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên. Các sản phẩm được hoàn thiện và đánh giá theo yêu cầu được giảng viên đề ra từ trước.

## 12.3. Phương pháp hướng dẫn thực hành

Áp dụng các hình thức thực hành đa dạng cho các môn chuyên ngành như:

+ Tổ chức seminar: Giảng viên chỉ giảng dạy các nội dung cơ bản, hướng dẫn tài liệu tham khảo, bài đọc thêm, đề nghị học viên đọc và tham gia thảo luận trên lớp hoặc bài báo cáo.

+ Tổ chức thảo luận nhóm nhỏ, khảo sát viết đề tài nhỏ, đề tài nghiên cứu khoa học.

+ Thực hành với các phần mềm và công cụ liên quan đến phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng.

## 12.4. Ma trận liên kết giữa Phương pháp giảng dạy – học tập và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| Phương pháp giảng dạy – học tập | PLOs      |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
|---------------------------------|-----------|------|------|------|---------|------|------|------|-----------------------------------|-------|
|                                 | Kiến thức |      |      |      | Kỹ năng |      |      |      | Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm |       |
|                                 | PLO1      | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5    | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9                              | PLO10 |
| Thuyết giảng                    | X         | X    | X    | X    |         |      |      |      |                                   |       |



| Phương pháp giảng dạy – học tập | PLOs      |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
|---------------------------------|-----------|------|------|------|---------|------|------|------|-----------------------------------|-------|
|                                 | Kiến thức |      |      |      | Kỹ năng |      |      |      | Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm |       |
|                                 | PL01      | PL02 | PL03 | PL04 | PL05    | PL06 | PL07 | PL08 | PL09                              | PL010 |
| Thuyết trình                    |           |      |      |      | X       | X    | X    | X    |                                   |       |
| Tọa đàm                         |           |      |      |      | X       | X    | X    | X    |                                   |       |
| Bài tập tình huống              | X         | X    | X    | X    |         |      |      |      |                                   |       |
| Thực hành theo nhóm             |           |      |      |      | X       | X    | X    | X    |                                   |       |
| Tự học                          |           |      |      |      |         |      |      |      | X                                 | X     |

### 13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Phương pháp kiểm tra đánh giá và thang điểm đánh giá thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

#### 13.1. Các học phần lý thuyết, thực hành

| STT      | Hình thức đánh giá        | Tiêu chí đánh giá (mô tả chi tiết)          | Tỷ trọng (1) + (2) = 100% |
|----------|---------------------------|---------------------------------------------|---------------------------|
| <b>1</b> | <b>Đánh giá quá trình</b> |                                             | 50%                       |
| 1.1      | Chuyên cần                | Mức độ tham gia học                         | 15%                       |
| 1.2      | Bài tập nhóm              | Chất lượng nội dung và sự tham gia vào nhóm | 15%                       |
| 1.3      | Kiểm tra                  | Từ 5 điểm trở lên là đạt                    | 20%                       |
| <b>2</b> | <b>Đánh giá cuối kỳ</b>   |                                             | 50%                       |
| 2.1      | Bài thi tự luận           | Từ 5 điểm trở lên là đạt                    | X                         |
| 2.2      | Bài thi trắc nghiệm       | Từ 5 điểm trở lên là đạt                    | X                         |
| 2.3      | Tiểu luận                 | Từ 5 điểm trở lên là đạt                    | X                         |
| 2.4      | Bài thi kết hợp           | Từ 5 điểm trở lên là đạt                    | X                         |

Ghi chú: (1.1) + (1.2) + (1.3) = 100% điểm đánh giá quá trình. Trong đánh giá cuối kỳ, mỗi học phần chỉ sử dụng 1 phương pháp đánh giá.

#### 13.2. Luận văn tốt nghiệp

Theo quy định của luận văn tốt nghiệp thạc sĩ định hướng nghiên cứu trong chương trình đào tạo.



### 13.3. Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| Phương pháp đánh giá                        | PLOs      |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
|---------------------------------------------|-----------|------|------|------|---------|------|------|------|-----------------------------------|-------|
|                                             | Kiến thức |      |      |      | Kỹ năng |      |      |      | Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm |       |
|                                             | PLO1      | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5    | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9                              | PLO10 |
| <b>A. CÁC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT, THỰC HÀNH</b> |           |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| <b>1. Đánh giá quá trình</b>                |           |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| Chuyên cần                                  |           |      |      |      |         |      |      | X    | X                                 | X     |
| Bài tập nhóm                                |           |      |      | X    | X       | X    | X    |      |                                   |       |
| Kiểm tra                                    | X         | X    | X    |      |         |      |      | X    | X                                 | X     |
| <b>2. Đánh giá cuối kỳ</b>                  |           |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| Bài thi tự luận                             | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                                 | X     |
| Bài thi trắc nghiệm                         | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                                 | X     |
| Tiểu luận                                   | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                                 | X     |
| Bài thi kết hợp                             | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                                 | X     |
| <b>B. TỐT NGHIỆP</b>                        |           |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| Luận văn tốt nghiệp                         | X         | X    | X    | X    | X       | X    | X    | X    | X                                 | X     |

### 14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ Ngành Quản trị kinh doanh được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học,

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm. Thời gian tối đa là 4 năm.

Người học được đào tạo theo hình thức tập trung áp dụng Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường.

#### 14.1. Tổ chức đào tạo:

- Trường tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đào tạo tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép người học tích lũy tín chỉ từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của người học. Một tín chỉ bằng 50 giờ bao gồm cả học lý thuyết, thực hành, thực tập và tự học.

**14.2. Kế hoạch đào tạo:****Năm 1**

| STT | HỌC PHẦN                             | TC | HỌC PHẦN<br>HỌC TRƯỚC | GHI CHÚ  |
|-----|--------------------------------------|----|-----------------------|----------|
| 1   | Triết học                            | 4  | Không                 | Bắt buộc |
| 2   | Phương pháp nghiên cứu khoa học      | 3  | Không                 | Bắt buộc |
| 3   | Mô hình kinh tế mới                  | 3  | Không                 | Bắt buộc |
| 4   | Quản trị chiến lược nâng cao (*)     | 3  | Không                 | Bắt buộc |
| 5   | Quản trị vận hành và công nghệ (*)   | 3  | Không                 | Bắt buộc |
| 6   | Quản trị sự thay đổi                 | 3  | Không                 | Bắt buộc |
| 7   | Quản trị marketing toàn cầu          | 3  | Không                 | Bắt buộc |
| 8   | Quản trị tài chính hiện đại          | 3  | Không                 | Bắt buộc |
| 9   | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao (*) | 3  | Không                 | Bắt buộc |

**Năm 2**

| STT                                     | HỌC PHẦN                                  | TC | HỌC PHẦN<br>HỌC TRƯỚC            | GHI CHÚ        |
|-----------------------------------------|-------------------------------------------|----|----------------------------------|----------------|
| 10                                      | Quản trị rủi ro kinh doanh                | 3  | Quản trị tài chính               | Bắt buộc       |
| 11                                      | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*) | 3  | Phương pháp nghiên cứu khoa học  | Bắt buộc       |
| 12                                      | Nghiên cứu tình huống                     | 3  | Phương pháp nghiên cứu khoa học  | Bắt buộc       |
| Chọn 1 trong 2 định hướng               |                                           |    |                                  |                |
| Định hướng QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP |                                           |    |                                  |                |
| 13                                      | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức               | 3  | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao | Tự chọn nhóm 1 |
| 14                                      | Quản trị bán hàng nâng cao (*)            | 3  | Quản trị marketing toàn cầu      |                |
| 15                                      | Quản trị dự án kinh doanh                 | 3  | Quản trị tài chính hiện đại      |                |
| 16                                      | Tạo lập mô hình kinh doanh                | 3  | Quản trị chiến lược nâng cao     |                |
| Định hướng KINH DOANH QUỐC TẾ           |                                           |    |                                  |                |
| 17                                      | Luật thương mại quốc tế nâng cao (*)      | 3  | Không                            | Tự chọn nhóm 2 |
| 18                                      | Quản trị xuất nhập khẩu                   | 3  | Không                            |                |
| 19                                      | Quản trị kinh doanh toàn cầu              | 3  | Không                            |                |
| 20                                      | Quản trị Đầu tư quốc tế                   | 3  | Không                            |                |



| STT                        | HỌC PHẦN            | TC | HỌC PHẦN<br>HỌC TRƯỚC                          | GHI CHÚ |
|----------------------------|---------------------|----|------------------------------------------------|---------|
| <b>Luận văn tốt nghiệp</b> |                     |    |                                                |         |
| 21                         | Luận văn tốt nghiệp | 12 | Tất cả các học phần thuộc chương trình đào tạo |         |

## B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Triết học

Tín chỉ: 04

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

- Củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng và quản trị kinh doanh, kinh tế; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

- Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn ở trình độ sau đại học.

- Nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

- *Tóm tắt nội dung của học phần:* Học phần được cấu trúc thành 8 chương, gồm những nội dung khái quát lịch sử triết học phương Đông, phương Tây và tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; Nội dung về bản thể luận, nhận thức luận, phép biện chứng, ý thức xã hội, và hình thái kinh tế - xã hội trong triết học Mác-Lênin; Các phương pháp luận về mặt triết học và sự vận dụng chúng trong thực tiễn cuộc sống, trong việc giải quyết các vấn đề cấp thiết như đổi mới chính trị, xây dựng nhà nước pháp quyền, phát huy dân chủ, và phát triển con người, xây dựng nền tảng tinh thần xã hội và định hướng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc thù của Việt Nam.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO2(I); PLO3(M); PLO4(M); PLO5 (M); PLO6(M); PLO7(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

### 2. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức các kiến thức cơ bản về Tổng quan nghiên cứu khoa học, Phương pháp nghiên cứu định tính, Phương pháp nghiên cứu định lượng; Một số mô hình định lượng ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính và Quản trị kinh doanh.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp các phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong khoa học kinh tế, khoa học xã hội, tài chính, ngân hàng, áp dụng cụ thể vào việc nghiên cứu theo nhóm hay nghiên cứu cá nhân, từ đó người học có đủ nền



tăng kiến thức để tiến hành thực hiện luận văn thạc sĩ hay các đề tài nghiên cứu khác. Học phần cũng cung cấp những kiến thức về bản chất của quá trình nghiên cứu, các bước thiết kế nghiên cứu, cách thức tìm kiếm và xác định vấn đề nghiên cứu, cách tổng quan tài liệu, xây dựng hệ thống phương pháp nghiên cứu cụ thể cho luận văn, đề tài, cách thức thu thập và xử lý số liệu (cơ bản), cách viết đề cương nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R); PLO3(R); PLO4(R); PLO5(M); PLO7(M); PLO8(R); PLO9(R).

### 3. Mô hình kinh tế mới Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức nền tảng để người học nắm bắt được các xu hướng chuyển đổi vĩ mô và toàn cầu tác động đến hoạt động của doanh nghiệp, từ đó có các chuẩn bị tương ứng cho doanh nghiệp nhằm chuyển đổi từng phần và toàn bộ doanh nghiệp theo mô hình mới. Học phần phù hợp với các lãnh đạo doanh nghiệp, quản lý cấp trung, lãnh đạo quản lý nhà nước, tư vấn xây dựng chính sách và chiến lược.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho người học kiến thức và góc nhìn tổng quát về các mô hình kinh tế truyền thống và mô hình kinh tế mới nổi, trong đó các quốc gia và doanh nghiệp có xu hướng chuyển đổi theo nhằm phù hợp với xu hướng mới và nhờ đó gia tăng sự thích ứng, tăng năng lực cạnh tranh trong kinh doanh. Đầu tiên, kiến thức nền của học phần là một số mô hình kinh tế truyền thống tương ứng với các cuộc cách mạng công nghiệp từ 1.0 đến 4.0. Sau đó, trọng tâm của học phần là các mô hình kinh tế mới nổi trong những năm gần đây như Kinh tế tuần hoàn, Kinh tế xanh, Kinh tế số, Kinh tế tri thức và đổi mới sáng tạo. Tương ứng với mỗi mô hình kinh tế mới nổi là một nghiên cứu tình huống, trong đó chỉ ra cách thức mà Doanh nghiệp-Tổ chức chuyển đổi theo mô hình mới nhằm gia tăng khả năng thích ứng với biến đổi bất định và nhờ đó nâng cao năng lực cạnh tranh.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO2(I); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO7(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

### 4. Quản trị chiến lược nâng cao Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức học thuật để người học hiểu được tổng quan cách thức các doanh nghiệp hoạch định chiến lược, phân tích đánh giá được về mặt lý luận cũng như kỹ thuật các cách thức hoạch định chiến lược. Từ đó người học ra được các quyết định liên quan đến hoạch định chiến lược của các doanh nghiệp. Kỳ vọng người học có thể đảm nhận các vị trí công việc tại các doanh nghiệp: tư vấn chiến lược, các vị trí quản lý cấp trung và cấp cao. Bên cạnh đó người học có thể học lên cao các chương trình Tiến sĩ nghiên cứu ở các chuyên ngành chiến lược liên quan.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho người học kiến thức nâng cao về cách thức các tổ chức thành công hoạch định chiến lược tạo dựng lợi thế cạnh tranh

trong môi trường kinh doanh ngày càng khốc liệt hiện nay. Học phần cung cấp kiến thức về cách thức tạo dựng chiến lược kinh doanh cho doanh nghiệp trong thời đại hiện nay, thông qua thiết lập mục tiêu, phân tích môi trường kinh doanh và sử dụng công cụ hoạch định chiến lược để thiết lập chiến lược kinh doanh một cách chuyên sâu và hiệu quả, đặc biệt hướng tới phát triển bền vững. Ngoài ra, học phần cung cấp các kiến thức cập nhật từ các nghiên cứu quản trị chiến lược đương đại. Học phần cung cấp kiến thức thông qua giáo trình, tài liệu tham khảo, tình huống doanh nghiệp, và các bài báo nghiên cứu học thuật chuyên ngành.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(R); PLO3(M); PLO5(M); PLO6(R); PLO9(R); PLO10(R).

## 5. Quản trị vận hành và công nghệ

**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản trị vận hành và ứng dụng công nghệ trong quản lý vận hành doanh nghiệp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập toàn cầu và môi trường công nghệ thay đổi nhanh chóng. Học phần này giúp phát triển kỹ năng phân tích, thiết kế, và tối ưu hóa các quy trình vận hành và sản phẩm; xây dựng các chiến lược vận hành hiệu quả; chọn lựa công nghệ và áp dụng vào quá trình vận hành cũng như quản trị năng lực chiến lược của doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này còn góp phần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quản trị vận hành và công nghệ như khuyến khích tư duy sáng tạo, đổi mới. Hơn nữa, thông qua học phần này người học có cơ hội nâng cao năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong làm việc độc lập/làm việc nhóm.

- *Tóm tắt nội dung:* Quản trị vận hành và công nghệ là học phần thuộc kiến thức ngành, trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về quản trị vận hành và công nghệ vận dụng trong doanh nghiệp trên cơ sở quan điểm quản trị hiện đại trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Học phần sẽ cung cấp cho người học các nội dung cơ bản sau: (1) Khái niệm, tầm quan trọng, thách thức và xu hướng của quản trị vận hành và công nghệ; (2) Chiến lược vận hành trong môi trường toàn cầu; (3) Thiết kế sản phẩm và dịch vụ; (4) Chọn lựa địa điểm sản xuất và bố trí mặt bằng; (5) Quản trị năng lực chiến lược; (6) Thiết kế và phân tích qui trình và (7) Áp dụng công nghệ vào quản trị vận hành.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(M); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

## 6. Quản trị sự thay đổi

**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần Quản trị sự thay đổi giúp người học hình thành nền tảng kiến thức lý thuyết chuyên sâu về sự thay đổi và quản trị sự thay đổi. Bên cạnh các nền tảng kiến thức, học phần còn giúp người học phát triển những kỹ năng quản trị sự thay đổi như khả năng giao tiếp, tổ chức và làm việc nhóm, phân tích, tư duy giải quyết vấn đề trong tổ chức nhằm hướng đến sự thích nghi của tổ



chức trong môi trường kinh doanh nhiều biến động. Người học có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng quản trị để thực hiện một số công việc, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác làm việc của cá nhân và của nhóm để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp liên quan trong thực tế công việc sau này.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Quản trị sự thay đổi thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo ngành Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và các ngành khác thuộc khối kinh tế. Quản trị sự thay đổi là học phần nghiên cứu những vấn đề chung của sự thay đổi và quản trị sự thay đổi; các nhân tố thúc đẩy và cản trở sự thay đổi; vượt rào cản trong quản trị sự thay đổi; chuyển đổi số; phân tích hiện trạng và định hướng sự thay đổi của tổ chức; tái cấu trúc doanh nghiệp; tái cơ cấu doanh nghiệp; mô hình quản trị với trí tuệ nhân tạo; các tình huống và lý thuyết quản trị sự thay đổi. Đồng thời, học phần tạo tiền đề cho người học trong việc tiếp cận nền tảng lý thuyết nền về quản trị, đề xuất các phương án và cách thức giải quyết vấn đề về sự thay đổi của tổ chức trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R); PLO2(R); PLO4(R); PLO7(R); PLO9(R), PLO10(R).

### 7. Quản trị marketing toàn cầu

**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Sau khi hoàn thành học phần này, học viên có khả năng phát hiện, giải thích, hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp để giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn nghiên cứu và quản trị kinh doanh toàn cầu diễn ra tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế. Kỳ vọng học viên có thể đảm nhận vị trí công việc của giảng viên đại học; chuyên gia tư vấn về quản trị kinh doanh toàn cầu; chuyên viên, nhà điều hành cấp cao tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế; hoặc các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế đối ngoại. Ngoài ra học viên có khả năng tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về kinh doanh toàn cầu và quản trị kinh doanh toàn cầu (bao gồm: Tổng quan và quản trị kinh doanh toàn cầu Quản trị kinh doanh toàn cầu trong môi trường đa văn hóa; Lý thuyết về thương mại quốc tế và chính sách thương mại toàn cầu; Quản trị chiến lược kinh doanh toàn cầu; Quản trị các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế; Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu; Quản trị khởi nghiệp kinh doanh toàn cầu), đồng thời vận dụng chúng để phát hiện, giải thích, giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn nghiên cứu và quản trị kinh doanh toàn cầu diễn ra tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO2(I); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO7(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

### 8. Quản trị tài chính hiện đại

**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần nhằm đào tạo người học có khả năng nghiên cứu độc lập và phát triển các ý tưởng mới trong lĩnh vực tài chính doanh



nghiệp. Người học sẽ được trang bị kỹ năng phân tích sâu các mô hình lý thuyết, đánh giá tác động của các yếu tố kinh tế và công nghệ đến quản trị tài chính, và phát triển các chiến lược tài chính cho công ty đa quốc gia. Ngoài ra, học phần khuyến khích người học thực hiện các nghiên cứu học thuật và công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần "Quản trị tài chính hiện đại" theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học nền tảng kiến thức chuyên sâu và cập nhật về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, đặc biệt tập trung vào nghiên cứu và phát triển các vấn đề lý thuyết. Nội dung học phần bao gồm các lý thuyết tài chính kinh điển và hiện đại, phân tích mối quan hệ giữa cơ cấu vốn và giá trị doanh nghiệp, chính sách cổ tức dưới góc nhìn học thuật, tài chính công ty đa quốc gia, và tài chính khởi nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa. Học phần cũng chú trọng vào nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, blockchain, và big data để xây dựng các mô hình tài chính tối ưu.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO2(I); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO7(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

## 9. Quản trị nguồn nhân lực nâng cao

**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: Không

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Mục tiêu của học phần giúp học viên nắm vững hệ thống kiến thức về khoa học và nghệ thuật quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức. Cung cấp cho học viên tư duy hoạch định các hoạt động và chính sách quản trị nhân sự; phát triển và phản biện các lý thuyết, mô hình, kỹ thuật và phương pháp quản trị nguồn nhân lực và vận dụng trong công tác quản trị nguồn vốn nhân lực cho tổ chức; áp dụng kỹ năng quản lý để đạt được hiệu năng công việc trong lĩnh vực chuyên môn, đặc biệt là trong cách quản lý con người và trong các mối quan hệ giữa các cá nhân. Ngoài ra, cung cấp cho người học nền tảng chuyên sâu, hệ thống về quản trị nguồn nhân lực để có thể tiếp tục học tập và khám phá nâng cao ở bậc tiến sĩ.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Quản trị nguồn nhân lực thuộc khối kiến thức ngành, học phần này cung cấp cho người học nền tảng của quá trình thực hiện các chiến lược nhất quán để quản lý con người trong một tổ chức như hoạch định, tổ chức, điều phối và quản lý nhân viên nhằm thực hiện tầm nhìn sứ mệnh, mục tiêu và mang lại hiệu quả tối ưu cho doanh nghiệp. Chính vì thế, nội dung học phần bao gồm tuyển dụng, đào tạo, đánh giá, đãi ngộ và tạo động lực thúc đẩy và giữ chân nhân viên theo các chuyên đề chuyên sâu gắn với xu hướng quản trị nhân sự đương đại. Hệ thống kiến thức của học phần được trình bày theo 04 chuyên đề như sau: (1) Các xu hướng và thách thức của quản trị nguồn nhân lực đương đại; (2) Quản trị nguồn nhân lực mang tính chiến lược; (3) Nhà quản trị nhân sự và vai trò quản trị con người trong tổ chức; (4) Chức năng và nội dung cốt lõi của Quản trị nguồn nhân lực trong một tổ chức. Ngoài ra, người học có cơ hội tiếp cận với các vấn đề liên quan đến sự thay đổi tổ chức và duy trì quan hệ tốt đẹp với nhân viên, cân bằng giữa các hoạt động trong tổ chức cùng các chính sách phù hợp với luật pháp của chính phủ. Ngoài ra, người học có thể tiếp cận QTNNL để nghiên cứu và học ở bậc cao hơn.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R); PLO2(M); PLO3(M); PLO4(R); PLO5(M); PLO6(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(A).



**10. Quản trị rủi ro trong kinh doanh****Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần trang bị cho người học hiểu biết toàn diện về quản trị rủi ro doanh nghiệp. Sau học phần, người học có khả năng nhận dạng, phân tích được các loại rủi ro trong doanh nghiệp; có khả năng phân tích và dự báo và đánh giá những rủi ro và mức ảnh hưởng của rủi ro đến các mục tiêu của doanh nghiệp; có khả năng xây dựng kế hoạch thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro và xây dựng kế hoạch tài trợ tổn thất do rủi ro gây ra.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần “Quản trị rủi ro trong kinh doanh” thuộc khối kiến thức ngành của Chương trình đào tạo thạc sĩ, hướng nghiên cứu nhằm cung cấp hiểu biết hệ thống và toàn diện về quản trị rủi ro trong kinh doanh đến những chủ đề nghiên cứu chính, hiện đại về quản trị rủi ro trong kinh doanh. Học phần trình bày hệ thống những khái niệm, vai trò và phân loại rủi ro trong kinh doanh, phương pháp nhận dạng, đo lường và kiểm soát rủi ro trong kinh doanh, hệ thống khung quản trị rủi ro COSO và ISO, những chủ đề nghiên cứu về quản trị rủi ro trong kinh doanh.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M); PLO2(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO9(M).

**11. Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao****Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Phương pháp nghiên cứu khoa học

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ phân tích định lượng dành cho dữ liệu sơ cấp và số liệu thứ cấp. Người học có khả năng sử dụng nhiều dạng mô hình định lượng đối với bộ dữ liệu mình đang có, trên cơ sở đó rút ra được mô hình nào là tối ưu nhất, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu nhất. Người học có khả năng sử dụng các phần mềm quen thuộc dành cho phân tích dữ liệu như: SPSS, AMOS, Eview, Stata, Rstudio. Từ việc nắm vững các công cụ phân tích dữ liệu người học có được sự tự tin và tự định trong các vấn đề nghiên cứu của mình, có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm với chính mình và nhóm làm việc.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các chương trình đào tạo cao học thuộc khối ngành Tài chính ngân hàng, Quản trị kinh doanh, quản lý kinh tế, Marketing theo định hướng nghiên cứu cũng như ứng dụng. Các nội dung của học phần này tập trung vào hai nhóm dữ liệu thường gặp trong nghiên cứu kinh tế: (1) Đối với dữ liệu sơ cấp: học phần cung cấp các kỹ thuật kiểm định thang đo, phân tích nhân tố, mô hình hồi quy tuyến tính, mô hình cấu trúc tuyến tính. (2) Đối với dữ liệu thứ cấp: học phần cung cấp các kỹ thuật dành cho dữ liệu chuỗi thời gian, dữ liệu bảng và các kiểm định cần thiết cho các dữ liệu dạng này.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO7(M); PLO8(M); PLO9(M).

**12. Nghiên cứu tình huống****Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Phương pháp nghiên cứu khoa học

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Mục tiêu của học phần giúp người học nắm được đặc điểm của nghiên cứu tình huống, quy trình nghiên cứu tình huống trong quản trị kinh doanh. Đồng thời, ứng dụng kiến thức để phân tích các nghiên cứu tình huống về quản trị chiến lược, quản trị nguồn nhân lực, lãnh đạo và quản trị liên quan đến phát triển bền vững. Từ đó, người học có thể xây dựng được định hướng nghiên cứu tình huống trong quản trị kinh doanh.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần đóng vai trò tiền đề cung cấp cho người học một cái nhìn bao quát về nghiên cứu tình huống của ngành quản trị kinh doanh. Học phần này sẽ trang bị cho người học đặc điểm của nghiên cứu tình huống, quy trình nghiên cứu tình huống trong quản trị kinh doanh. Qua học phần này, người học sẽ được hướng dẫn cách tiếp cận, tìm hiểu, phân tích các nghiên cứu tình huống về quản trị chiến lược, quản trị nguồn nhân lực, lãnh đạo và quản trị liên quan đến phát triển bền vững. Qua đó khuyến khích người học rèn luyện kỹ năng tư duy, phát triển nghiên cứu tình huống; đồng thời đánh giá, phân tích để lựa chọn và xây dựng được định hướng nghiên cứu tình huống trong quản trị kinh doanh.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R); PLO2(R); PLO6(R); PLO7(R); PLO10 (R).

### 13. Lãnh đạo và Hành vi tổ chức

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước: Quản trị nguồn nhân lực nâng cao

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần "Lãnh đạo và Hành vi tổ chức" được thiết kế nhằm trang bị cho học viên trình độ thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh, định hướng đào tạo nghiên cứu, một nền tảng kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết lãnh đạo và hành vi tổ chức hiện đại. Học phần tập trung phát triển năng lực phân tích, đánh giá và phản biện các mô hình lãnh đạo, hành vi cá nhân, nhóm và tổ chức, trong mối tương quan với hiệu quả hoạt động tổ chức. Ngoài việc nắm vững lý thuyết, học viên được hướng dẫn phương pháp nghiên cứu khoa học định tính và định lượng, nhằm phát triển kỹ năng thực hiện các dự án nghiên cứu độc lập hoặc nhóm. Học phần cũng nhấn mạnh việc áp dụng kết quả nghiên cứu vào xây dựng các giải pháp chiến lược lãnh đạo và quản trị tổ chức phù hợp với bối cảnh kinh doanh toàn cầu và tại Việt Nam. Qua đó, học viên sẽ không chỉ nâng cao năng lực học thuật mà còn đóng góp tích cực vào việc đổi mới, cải thiện hiệu quả lãnh đạo và tổ chức.

▪ *Tóm tắt nội dung:* (1) Học phần "Lãnh đạo và Hành vi tổ chức" được thiết kế dành cho học viên chương trình thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh, định hướng đào tạo nghiên cứu, nhằm cung cấp nền tảng học thuật chuyên sâu và kỹ năng nghiên cứu trong lĩnh vực lãnh đạo và hành vi tổ chức. (2) Học phần tập trung vào các lý thuyết cốt lõi và hiện đại về lãnh đạo, bao gồm Trait Theory, Behavioral Theory, Contingency Theory, và Transformational Leadership, đồng thời phân tích hành vi tổ chức ở các cấp độ cá nhân, nhóm, và tổ chức. Học viên sẽ được khám phá các yếu tố như động lực làm việc, vai trò lãnh đạo trong phát triển nhóm, văn hóa tổ chức, và kỹ năng quản lý thay đổi. (3) Học phần không chỉ trang bị kiến thức lý thuyết mà còn hướng dẫn học viên cách áp dụng phương pháp nghiên cứu khoa học định tính và định lượng để giải quyết các vấn đề tổ chức. Qua đó, học viên sẽ phát triển kỹ năng tư duy phản biện, khả năng phân tích và trình bày nghiên cứu học thuật. (4) Các nội



dung học phần được xây dựng trên cơ sở tài liệu học thuật quốc tế uy tín, bao gồm giáo trình từ Peter G. Northouse (2019), Stephen P. Robbins và Timothy A. Judge (2024), và Edgar H. Schein (2017). Ngoài ra, các tài liệu từ Harvard Business Review sẽ hỗ trợ học viên tự học và bổ sung kiến thức thực tiễn. (5) Học phần này phù hợp với các học viên mong muốn phát triển sự nghiệp nghiên cứu hoặc giảng dạy trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, đồng thời đóng góp các giải pháp lãnh đạo và quản trị tổ chức hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của môi trường kinh doanh toàn cầu hóa.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R); PLO2(R); PLO3(R); PLO4(R); PLO5(R); PLO6(R); PLO7(R); PLO8(R); PLO9(R); PLO10(R).

#### 14. Quản trị bán hàng nâng cao

**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: Quản trị marketing toàn cầu
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:* Mục tiêu của học phần giúp học viên có được những kiến thức về quản trị bán hàng nâng cao bao gồm hoạch định bán hàng, quản trị kênh bán hàng, quản trị bán sỉ (B2B), quản trị bán lẻ (B2C), tổ chức lực lượng bán hàng, lãnh đạo lực lượng bán hàng, kiểm soát hoạt động bán hàng, quản trị quan hệ khách hàng và quản trị bán hàng trong thời đại số. Bên cạnh những lý luận cơ bản về quản trị bán hàng nâng cao, học phần cũng trình bày các nghiên cứu tình huống thực tế trong hoạt động quản trị bán hàng tại các doanh nghiệp.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần Quản trị bán hàng nâng cao cung cấp cho người học các kiến thức về quản trị bán hàng nâng cao bao gồm hoạch định bán hàng, quản trị kênh bán hàng, quản trị bán sỉ (B2B), quản trị bán lẻ (B2C), tổ chức lực lượng bán hàng, lãnh đạo lực lượng bán hàng, kiểm soát hoạt động bán hàng, quản trị quan hệ khách hàng và quản trị bán hàng trong thời đại số. Bên cạnh những lý luận cơ bản về quản trị bán hàng nâng cao, học phần cũng trình bày các nghiên cứu tình huống thực tế trong hoạt động quản trị bán hàng tại các doanh nghiệp.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

#### 15. Quản trị dự án kinh doanh

**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: Quản trị tài chính hiện đại
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để giải quyết các thách thức phức tạp trong quản lý dự án hiện đại. Về kiến thức: (1) Có khả năng tổng hợp và đánh giá các thông tin tác động trực tiếp và gián tiếp đến quá trình hình thành và quản lý dự án. (2) Hệ thống hoá các lý thuyết và mô hình quản lý khác nhau để quản lý tích hợp, quản lý phạm vi và quản lý tiến độ dự án. (3) Có khả năng phân tích, đánh giá, kiểm soát và quản lý một dự án thành công dựa trên nền tảng khoa học công nghệ hiện đại ngày nay. Về kỹ năng: (1) Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và giải quyết một cách sáng tạo các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý dự án đầu tư. (2) Có kỹ năng thẩm định và đánh giá hiệu quả dự án theo các tiêu chuẩn quốc tế. (3) Thành thạo trong việc đánh giá và đề xuất các mô hình quản lý dự án một cách khoa học, hiện đại và sáng tạo. (4) Có khả năng nghiên cứu, tư duy phản biện, thuyết trình và làm việc nhóm. Về

mức tự chủ và chịu trách nhiệm: (1) Có ý thức rèn luyện, học tập, nghiên cứu chuyên sâu và định hướng thành chuyên gia đối với lĩnh vực dự án. (2) Có quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một cách toàn diện và đúng đắn. (3) Nâng cao đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để giải quyết các thách thức phức tạp trong quản lý dự án hiện đại. Không chỉ dừng lại ở các kỹ năng kỹ thuật cơ bản như lập kế hoạch, thiết lập lịch trình, kiểm soát tiến độ và hoàn thiện dự án, học phần còn tập trung vào các yếu tố cốt lõi khác như quản lý công nghệ, lãnh đạo đội nhóm, xây dựng văn hóa tổ chức, quản lý các bên liên quan, và giải quyết xung đột. Thông qua cách tiếp cận tích hợp và toàn diện, học phần khuyến khích người học phát triển năng lực tư duy phản biện và khả năng nghiên cứu để tìm ra các giải pháp đổi mới. Các tình huống nghiên cứu thực tế, ví dụ minh họa và phương pháp quản lý tiên tiến được lồng ghép nhằm nâng cao hiệu quả dự án, đồng thời đảm bảo giá trị bền vững cho tổ chức. Với trọng tâm kết nối lý thuyết và thực tiễn, học phần không chỉ hỗ trợ người học trong việc nắm bắt các phương pháp quản lý truyền thống mà còn trang bị tư duy chiến lược và kỹ năng ra quyết định, hướng tới mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả dự án và tạo nền tảng vững chắc cho nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực này.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R); PLO2(M); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

#### 16. Tạo lập mô hình kinh doanh

**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: Quản trị chiến lược nâng cao
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Giúp cho học viên hiểu biết chuyên sâu về mô hình kinh doanh trong bối cảnh kinh doanh và cạnh tranh, sự tồn tại và phát triển của mô hình kinh doanh, cách thức tạo lập và quản trị mô hình kinh doanh của tổ chức. Đồng thời, học viên phát triển năng lực, kỹ năng và khả năng ra quyết định trong việc tạo lập mô hình kinh doanh, triển khai việc kinh doanh theo mô hình, tổ chức và quản trị toàn bộ hoạt động kinh doanh theo các mô hình kinh doanh một cách hiệu quả, thực hiện các nghiên cứu về mô hình kinh doanh và đề xuất các kết quả nghiên cứu tham mưu cho việc ra quyết định.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp cho học viên các quan điểm về mô hình kinh doanh trong bối cảnh kinh doanh và cạnh tranh, cách thức tạo lập mô hình kinh doanh, thiết kế các yếu tố của mô hình kinh doanh và quản trị mô hình kinh doanh của tổ chức. Đồng thời, xem xét mối quan hệ giữa chiến lược kinh doanh và mô hình kinh doanh, đổi mới mô hình kinh doanh nói chung và các yếu tố của mô hình kinh doanh nói riêng, góp phần nâng cao năng lực kinh doanh và cạnh tranh của tổ chức.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R); PLO4(M); PLO7(R); PLO8(M); PLO9(R); PLO10(R).

#### 17. Luật thương mại quốc tế nâng cao

**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước:
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:



▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng để người học có khả năng nghiên cứu những kiến thức lý luận và pháp lý để phân tích, đánh giá và xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong quan hệ thương mại quốc tế trong bối cảnh đương đại, đồng thời thực hiện thành thạo kỹ năng nghiên cứu độc lập, hoặc theo nhóm các công việc có liên quan đến vận dụng pháp luật thương mại quốc tế vào thực tiễn trên cơ sở tôn trọng trí tuệ của người khác.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

- Luật Thương mại quốc tế nâng cao là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo bậc thạc sĩ, chuyên ngành quản trị kinh doanh quốc tế. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức về các hiệp định chính của WTO, các cam kết đặc thù tại các FTAs (cách thức hoạt động, mục đích đàm phán, sự xung đột giữa pháp luật quốc gia và nghĩa vụ quốc tế). Ngoài ra, học phần Luật thương mại quốc tế nâng cao còn trang bị cho người học các quan điểm học thuật mới liên quan đến WTO và vai trò của WTO trước xu hướng hợp tác kinh tế khu vực thế hệ mới, mối đe dọa từ chủ nghĩa bảo hộ, thách thức về môi trường, chuẩn mực bảo vệ quyền con người và nền kinh tế số trong quan hệ ngoại thương.

- Đồng thời, người học được tiếp cận với các quan điểm pháp lý mới của pháp luật thương mại quốc tế và cách thức giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến các hoạt động thương mại quốc tế quan trọng như logistics, nhượng quyền thương mại và thương mại điện tử; từ đó hình thành và phát triển khả năng tư duy pháp lý, kỹ năng nghiên cứu vấn đề đúng pháp luật trong thương mại quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO2(I); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO7(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

## 18. Quản trị xuất nhập khẩu

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học viên nghiên cứu và thảo luận được về kiến thức chuyên sâu, tình huống ứng dụng trong thực tiễn quản trị xuất nhập khẩu. Kỳ vọng học viên có thể đảm nhận vị trí công việc giảng viên giảng dạy, nghiên cứu, tư vấn, chuyên gia về hoạt động xuất nhập khẩu; chuyên viên, nhà điều hành cấp cao tại các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu và liên quan xuất nhập khẩu. Ngoài ra học viên có khả năng tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về quản trị xuất nhập khẩu, bao gồm: nghiên cứu thị trường xuất nhập khẩu, lựa chọn đối tác, lập phương án kinh doanh xuất nhập khẩu, đàm phán, ký kết hợp đồng xuất nhập khẩu, tổ chức thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu, đánh giá, kiểm soát và quản trị rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu. Từ đó, học viên được trang bị các kiến thức, kỹ năng về nghiên cứu, thảo luận các tình huống và tự chủ, có trách nhiệm trong nghiên cứu, giải quyết các tình huống ứng dụng trong thực tiễn quản trị xuất nhập khẩu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO2(I); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO7(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

## 19. Quản trị kinh doanh toàn cầu

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước:



❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Sau khi hoàn thành học phần này, học viên có khả năng phát hiện, giải thích, hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp để giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn nghiên cứu và quản trị kinh doanh toàn cầu diễn ra tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế. Kỳ vọng học viên có thể đảm nhận vị trí công việc của giảng viên đại học; chuyên gia tư vấn về quản trị kinh doanh toàn cầu; chuyên viên, nhà điều hành cấp cao tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế; hoặc các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế đối ngoại. Ngoài ra học viên có khả năng tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về kinh doanh toàn cầu và quản trị kinh doanh toàn cầu (bao gồm: Tổng quan và quản trị kinh doanh toàn cầu Quản trị kinh doanh toàn cầu trong môi trường đa văn hóa; Lý thuyết về thương mại quốc tế và chính sách thương mại toàn cầu; Quản trị chiến lược kinh doanh toàn cầu; Quản trị các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế; Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu; Quản trị khởi nghiệp kinh doanh toàn cầu), đồng thời vận dụng chúng để phát hiện, giải thích, giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn nghiên cứu và quản trị kinh doanh toàn cầu diễn ra tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO2(I); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO7(M); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(M).

## 20. Quản trị đầu tư quốc tế

**Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học viên có khả năng vận dụng những kiến thức thực tiễn để lựa chọn, triển khai, đánh giá hoạt động đầu tư quốc tế của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh doanh toàn cầu thường xuyên biến động, đồng thời có năng lực sáng tạo cần thiết để thực hiện độc lập hoặc theo nhóm các công việc thực hiện liên quan hoạt động đầu tư quốc tế của doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp các kiến thức nâng cao và chuyên sâu về đầu tư quốc tế như nguyên nhân hình thành đầu tư quốc tế, hình thức đầu tư quốc tế truyền thống và hiện đại trên thế giới hiện nay, các phương pháp đánh giá, lựa chọn, triển khai dự án đầu tư nước ngoài, các hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài của một doanh nghiệp hoặc một địa phương.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R); PLO2(R); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO7(R); PLO8(M); PLO9(R); PLO10(M).

## 21. Luận văn tốt nghiệp

**Tín chỉ: 12**

- ❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định thực hiện Luận văn tốt nghiệp của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:* Học phần giúp người học hình thành tư duy tổng hợp, tiếp cận vấn đề nghiên cứu có tính bao quát, hình thành và phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học quản trị, nghiên cứu đối sánh, phát hiện và đề xuất các vấn

đề có tính mới, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Luận văn tốt nghiệp trang bị cho người học tổng hợp các kết quả nghiên cứu trên cơ sở kiến thức và kỹ năng trong toàn bộ chương trình đào tạo để tìm ra đóng góp mới về lý luận quản trị, hiệu quả thực hiện quản trị trong thực tiễn.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A); PLO8(A); PLO9(A); PLO10(A)/.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Tiến Đạt

TRƯỞNG KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

PGS.TS Huỳnh Thị Thu Hương

### C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO

#### 1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy

| STT | Tên tài liệu                                                                                                                          | Tên tác giả                     | Nhà xuất bản                            | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------|--------------|----------------------------------|
| 1   | Triết học (Chương trình sau đại học)                                                                                                  | Trường ĐH Tài chính - Marketing | Đại học Quốc gia Tp. HCM                | 2015         | Triết học                        |
| 2   | Giáo trình triết học (Dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn),               | ĐH Quốc gia Hà Nội              | Chính trị Quốc gia sự thật.             | 2018         | Triết học                        |
| 3   | Giáo trình triết học: Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học | Bộ giáo dục và đào tạo          | Đại học Sư phạm                         | 2014         | Triết học                        |
| 4   | Lịch sử triết học phương Đông                                                                                                         | Nguyễn Đăng Thục                | Hồng Đức                                | 2017         | Triết học                        |
| 5   | Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học                                                                                            | Nguyễn Huy Hoàng                | Tài chính                               | 2022         | Phương pháp nghiên cứu khoa học  |
| 6   | Strategic management concepts and cases.                                                                                              | David, F. R.                    | Prentice hall.                          | 2015         | Quản trị chiến lược nâng cao     |
| 7   | Strategic human resource management and employment relations: An international perspective                                            | Malik, A. (Ed.).                | Springer Nature                         | 2022         | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao |
| 8   | Personel/Human Resource Management, 16th Edition.                                                                                     | Mathis, R.L. & Jackson, J.S.    | West Publishing Company, San Francisco. | 2020         | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao |
| 9   | Operations and Supply Chain Management                                                                                                | Jacobs & Chase                  | Mc Graw Hill                            | 2024         | Quản trị vận hành và công nghệ   |
| 10  | Impacts of Technology on Operations Management:                                                                                       | Ullah et al                     | IGI Global.                             | 2024         | Quản trị vận hành và công nghệ   |



| STT | Tên tài liệu                                                                                                                                   | Tên tác giả                                                       | Nhà xuất bản             | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------|---------------------------------------|
|     | Adoption, Adaptation, and Optimization                                                                                                         |                                                                   |                          |              | nghệ                                  |
| 11  | Giáo trình Quản trị công nghệ.                                                                                                                 | Hoàng Đình Phi                                                    | Đại học Quốc gia Hà Nội. | 2020         | Quản trị vận hành và công nghệ        |
| 12  | Quản Trị Vận Hành hiện đại                                                                                                                     | Đặng Minh Trang & Lưu Đan Thọ                                     | Tài chính                | 2015         | Quản trị vận hành và công nghệ        |
| 13  | Bài giảng quản lý công nghệ.                                                                                                                   | Đặng Vũ Tùng                                                      | Đại học Bách khoa Hà Nội | 2019         | Quản trị vận hành và công nghệ        |
| 14  | Operations Management: Processes and supply chains                                                                                             | Krajewski et al                                                   | Perason                  | 2022         | Quản trị vận hành và công nghệ        |
| 15  | Theory and practice of change management                                                                                                       | Hayes, J                                                          | Bloomsbury Publishing    | 2022         | Quản trị sự thay đổi                  |
| 16  | Global marketing management, 9 <sup>th</sup> Edition                                                                                           | Masaaki Kotabe, Kristiaan Helsen                                  | Wiley                    | 2022         | Quản trị Marketing toàn cầu           |
| 17  | Corporate Finance                                                                                                                              | Ross, Westerfield, Jaffe                                          | McGraw Hill              | 2019         | Quản trị tài chính hiện đại           |
| 18  | Quản trị rủi ro doanh nghiệp                                                                                                                   | Nguyễn Thị Liên Diệp, Võ Tấn Phong, Ngô Quang Huân, Trần Anh Minh | Hồng Đức                 | 2018         | Quản trị rủi ro kinh doanh            |
| 19  | Giáo trình Giới thiệu lý thuyết mô hình kinh tế                                                                                                | Nguyễn Khắc Minh (chủ biên), Bùi Duy Phú, Đào Văn Khiêm           | Tài chính                | 2020         | Mô hình kinh tế mới                   |
| 20  | Practical Panel Modelling With Applications In Islamic Banking And Finance Research, National Committee of Islamic Economy and Finance (KNEKS) | Mansor Ibrahim, Tika Arundina                                     | Indonesia                | 2022         | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao |
| 21  | Phân tích chuỗi thời                                                                                                                           | Nguyễn Quang                                                      | Khoa học Kỹ              | 2010         | Phân tích                             |

| STT | Tên tài liệu                                                                                 | Tên tác giả                                                                                        | Nhà xuất bản                    | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------|---------------------------------------|
|     | gian trong tài chính                                                                         | Dong                                                                                               | Thuật                           |              | dữ liệu kinh doanh nâng cao           |
| 22  | Giáo trình sau đại học phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh (cập nhật Smart PLS) | Bùi Nhất Vương và Hà Nam Khánh Giao (đồng chủ biên)                                                | Tài chính                       | 2024         | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao |
| 23  | Doing case study research: A practical guide for beginning researchers                       | Hancock, D. R., Algozzine, B., & Lim, J. H.                                                        |                                 | 2021         | Nghiên cứu tình huống                 |
| 24  | Organizational Behavior                                                                      | Stephen P. Robbins and Timothy A. Judge.                                                           | Pearson Education Limited       | 2024         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức           |
| 25  | Lãnh đạo chuyển hóa – Transformational Leadership.                                           | Nguyễn Ngọc Toàn (dịch)                                                                            | Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh. | 2022         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức           |
| 26  | Sales Management Analysis and Decision Making                                                | Thomas N. Ingram, Raymond W. LaForge, Ramon A. Avila, Charles H. Schwepker Jr, Michael R. Williams | Routledge                       | 2024         | Quản trị bán hàng nâng cao            |
| 27  | Quản trị bán hàng hiện đại                                                                   | Nguyễn Văn Hiến                                                                                    | Tài chính                       | 2016         | Quản trị bán hàng nâng cao            |
| 28  | Giáo trình Quản trị bán hàng                                                                 | Vũ Minh Đức & Vũ Huy Thông                                                                         | Đại học Kinh tế quốc dân        | 2018         | Quản trị bán hàng nâng cao            |
| 29  | Giáo trình Quản trị bán hàng                                                                 | Lê Tấn Bửu                                                                                         | Lao động – Xã hội               | 2015         | Quản trị bán hàng nâng cao            |
| 30  | A Guide to the Project Management Body of Knowledge (PMBOK Guide)                            | Project Management Institute                                                                       |                                 | 2017         | Quản trị dự án kinh doanh             |
| 31  | Quản trị dự án – Những nguyên tắc căn bản                                                    | Joseph Heagney                                                                                     | Lao động – Xã hội               | 2012         | Quản trị dự án kinh doanh             |
| 32  | Thiết lập và thẩm định                                                                       | Phước Minh Hiệp                                                                                    | Lao động –                      | 2011         | Quản trị                              |

| STT | Tên tài liệu                                               | Tên tác giả                           | Nhà xuất bản                                      | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần             |
|-----|------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------|----------------------------------|
|     | dự án đầu tư                                               |                                       | Xã hội                                            |              | dự án kinh doanh                 |
| 33  | Quản trị mô hình kinh doanh                                | Đặng Văn Mỹ                           | Tài liệu nghiên cứu và giảng dạy, lưu hành nội bộ | 2020         | Tạo lập mô hình kinh doanh       |
| 34  | Tạo lập mô hình kinh doanh (Sách dịch)                     | Alexander Osterwalder và Yves Pigneur |                                                   | 2021         | Tạo lập mô hình kinh doanh       |
| 35  | Mai Hồng Quỳnh và Trần Việt Dũng                           | Luật Thương mại quốc tế               | Đại học Quốc gia TP. HCM                          | 2012         | Luật Thương mại quốc tế nâng cao |
| 36  | Luật trọng tài thương mại                                  |                                       | Chính trị quốc gia, Hà Nội.                       | 2010         | Luật Thương mại quốc tế nâng cao |
| 37  | Mastering import & export management                       | Thomas A. Cook                        | AMACOM                                            | 2012         | Quản trị xuất nhập khẩu          |
| 38  | Giáo trình Cao học Quản trị Kinh doanh quốc tế             | Hà Nam Khánh Giao                     | Kinh tế TP.HCM                                    | 2017         | Quản trị kinh doanh toàn cầu     |
| 39  | International Business Management                          | Vyuptakesh Sharan                     | Pearson                                           | 2012         | Quản trị kinh doanh toàn cầu     |
| 40  | Đầu tư quốc tế                                             | Lê Quang Huy                          | Kinh tế Tp.HCM                                    | 2013         | Quản trị Đầu tư quốc tế          |
| 41  | Global investments, Pearson New International Edition, 6/E | Solnik, B., & McLeavey, D.            | Pearson Education, Inc                            | 2013         | Quản trị Đầu tư quốc tế          |
| 42  | Đề cương Luận văn tốt nghiệp                               | Giảng viên hướng dẫn & Doanh nghiệp   |                                                   |              | Luận văn tốt nghiệp              |

## 2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác

| STT | Tên tài liệu                                                   | Tên tác giả        | Nhà xuất bản                | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần |
|-----|----------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------|--------------|----------------------|
| 1   | Giáo trình triết học (Dành cho học viên cao học và nghiên cứu) | ĐH Quốc gia Hà Nội | Chính trị Quốc gia sự thật. | 2018         | Triết học            |



| STT | Tên tài liệu                                                                                                                          | Tên tác giả                          | Nhà xuất bản                   | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần            |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|--------------|---------------------------------|
|     | sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn),                                                                             |                                      |                                |              |                                 |
| 2   | Giáo trình triết học: Dừng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học | Bộ Giáo dục và Đào tạo               | Đại học Sư phạm                | 2014         | Triết học                       |
| 3   | Lịch sử triết học phương Đông                                                                                                         | Nguyễn Đăng Thục                     | Hồng Đức                       | 2017         | Triết học                       |
| 4   | Triết học (Chương trình sau đại học)                                                                                                  | Trường ĐH Tài chính – Marketing      | ĐH Quốc gia TP.HCM             | 2015         | Triết học                       |
| 5   | Giáo trình triết học Mác – Lênin (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học)                    | Bộ Giáo dục và Đào tạo               | Chính trị - Hành chính, Hà Nội | 2010         | Triết học                       |
| 6   | Thực hành nghiên cứu trong Kinh tế và Quản trị kinh doanh,                                                                            | Nguyễn Văn Thắng                     | Đại học Kinh tế Quốc dân       | 2014         | Phương pháp nghiên cứu khoa học |
| 7   | Phương pháp điều tra khảo sát: nguyên lý và thực tiễn                                                                                 | Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nguyễn Vũ Hùng | Đại học Kinh tế Quốc dân       | 2015         | Phương pháp nghiên cứu khoa học |
| 8   | Giáo trình kinh tế lượng                                                                                                              | Nguyễn Huy Hoàng                     | Tài chính.                     | 2024         | Phương pháp nghiên cứu khoa học |
| 9   | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh                                                                                      | Nguyễn Đình Thọ                      | Lao động Xã hội                | 2014         | Phương pháp nghiên cứu khoa học |
| 10  | Research Methods for Business: A Skill-Building Approach, 7 <sup>th</sup> ed.                                                         | Sekaran, U and Bougie, R.            | Wiley                          | 2016         | Phương pháp nghiên cứu khoa học |
| 11  | The Practice of Social Research                                                                                                       | Babbie, E.R.,                        | Belmont CA: Wadsworth          | 2011         | Phương pháp nghiên cứu          |

| STT | Tên tài liệu                                                                                     | Tên tác giả                                                                    | Nhà xuất bản                            | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------|----------------------------------|
| 12  | Quantitative social research methods.                                                            | Singh, K.                                                                      | Sage                                    | 2007         | Phương pháp nghiên cứu khoa học  |
| 13  | Strategic management concepts and cases.                                                         | David, F. R.                                                                   | Prentice hall                           | 2015         | Quản trị chiến lược nâng cao     |
| 14  | EBOOK: Crafting and executing strategy: The quest for competitive advantage: Concepts and cases. | Thompson, A., Janes, A., Peteraf, M., Sutton, C., Gamble, J., & Strickland, A. | McGraw hill                             | 2013         | Quản trị chiến lược nâng cao     |
| 15  | Strategic human resource management and employment relations: An international perspective       | Malik, A. (Ed.).                                                               | Springer Nature                         | 2022         | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao |
| 16  | Personel/Human Resource Management, 16th Edition.                                                | Mathis, R.L. & Jackson, J.S.                                                   | West Publishing Company, San Francisco. | 2020         | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao |
| 17  | Operations Management: Sustainability and Supply chain managment                                 | Heizer et al                                                                   | Pearson                                 | 2020         | Quản trị vận hành và công nghệ   |
| 18  | Technology Management: Activities and tools                                                      | Cetindamar et al                                                               | Palgrave publisher                      | 2016         | Quản trị vận hành và công nghệ   |
| 19  | Operations and Supply Chain Management                                                           | Jacobs & Chase                                                                 | Mc Graw Hill                            | 2024         | Quản trị vận hành và công nghệ   |
| 20  | Impacts of Technology on Operations Management: Adoption, Adaptation, and Optimization           | Ullah et al                                                                    | IGI Global.                             | 2024         | Quản trị vận hành và công nghệ   |
| 21  | Giáo trình Quản trị                                                                              | Hoàng Đình Phi                                                                 | Đại học Quốc                            | 2020         | Quản trị                         |

| STT | Tên tài liệu                                                            | Tên tác giả                                                       | Nhà xuất bản             | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần           |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------|--------------------------------|
|     | công nghệ.                                                              |                                                                   | gia Hà Nội               |              | vận hành và công nghệ          |
| 22  | Quản Trị Vận Hành hiện đại                                              | Đặng Minh Trang & Lưu Đan Thọ                                     | Tài chính                | 2015         | Quản trị vận hành và công nghệ |
| 23  | Bài giảng quản lý công nghệ.                                            | Đặng Vũ Tùng                                                      | Đại học Bách khoa Hà Nội | 2019         | Quản trị vận hành và công nghệ |
| 24  | Operations and supply chain Management                                  | Russel and Taylor                                                 | John Wiley & Sons, Inc   | 2019         | Quản trị vận hành và công nghệ |
| 25  | Operations and supply chain Management                                  | Collier and Evans                                                 | Cengage                  | 2021         | Quản trị vận hành và công nghệ |
| 26  | Operations Management: Processes and supply chains                      | Krajewski et al                                                   | Perason.                 | 2022         | Quản trị vận hành và công nghệ |
| 27  | Theory and practice of change management                                | Hayes, J                                                          | Bloomsbury Publishing    | 2022         | Quản trị sự thay đổi           |
| 28  | The theory and practice of change management. Fourth edition published. | Hayes, J                                                          | PALGRAVE MACMILLAN       | 2014         | Quản trị sự thay đổi           |
| 29  | Global marketing                                                        | Green, M. C., & Keegan, W. J.                                     | Pearson Education        | 2020         | Quản trị Marketing toàn cầu    |
| 30  | Global marketing management, 3rd edition                                | Lee, K., & Carter, S.                                             | Oxford                   | 2011         | Quản trị Marketing toàn cầu    |
| 31  | International marketing                                                 | Cateora, P. R., Meyer, R. B. M. F., Gilly, M. C., & Graham, J. L. | McGraw-Hill Education    | 2020         | Quản trị Marketing toàn cầu    |
| 32  | Global marketing management                                             | Kotabe, M. M., & Helsen, K.                                       | John Wiley & Sons.       | 2020         | Quản trị Marketing toàn cầu    |
| 33  | Corporate Finance                                                       | Ross, Westerfield, Jaffe                                          | McGraw Hill              | 2019         | Quản trị tài chính             |



| STT | Tên tài liệu                                                                                       | Tên tác giả                                                        | Nhà xuất bản               | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------|---------------------------------------|
|     |                                                                                                    |                                                                    |                            |              | hiện đại                              |
| 34  | Multinational Financial Management                                                                 | ALan C. Shapiro                                                    | Wiley                      | 2013         | Quản trị tài chính hiện đại           |
| 35  | International Financial management, 11th edition,                                                  | Jeff Madura                                                        | Thompson South-Western     | 2012         | Quản trị tài chính hiện đại           |
| 36  | Tài chính công ty đa quốc gia                                                                      | Phan Thị Nhi Hiếu                                                  | Kinh tế TP.HCM             | 2015         | Quản trị tài chính hiện đại           |
| 37  | Risk Management, Fundamentals Theory and Practice in Asia                                          | Lee, H                                                             | Springer, Singapore        | 2021         | Quản trị rủi ro kinh doanh            |
| 38  | Enterprise risk management: Today's leading research and best practices for tomorrow's executives. | Fraser, J. R., Quail, R., & Simkins, B.                            | John Wiley & Sons.         | 2021         | Quản trị rủi ro kinh doanh            |
| 39  | Quản trị rủi ro doanh nghiệp                                                                       | Nguyễn Thị Liên Diệp, Võ Tấn Phong, Ngô Quang Huân, Trần Anh Minh. | Hồng Đức                   | 2018         | Quản trị rủi ro kinh doanh            |
| 40  | Giáo trình Giới thiệu lý thuyết mô hình kinh tế                                                    | Nguyễn Khắc Minh (chủ biên), Bùi Duy Phú, Đào Văn Khiêm            | Tài chính                  | 2020         | Mô hình kinh tế mới                   |
| 41  | Analysis of Panel data                                                                             | Cheng Hsiao                                                        | Cambridge University Press | 2002         | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao |
| 42  | Chuỗi thời gian. Phân tích và nhận dạng                                                            | Nguyễn Hồ Quỳnh                                                    | Khoa học Kỹ thuật          | 2004         | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao |
| 43  | Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (Tập 1)                                                      | Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc                                  | Hồng Đức                   | 2008         | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao |
| 44  | Doing case study research: A practical guide for beginning                                         | Hancock, D. R., Algozzine, B., & Lim, J. H.                        |                            | 2021         | Nghiên cứu tình huống                 |

| STT | Tên tài liệu                                          | Tên tác giả                                                                                        | Nhà xuất bản                                    | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần        |
|-----|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------|-----------------------------|
|     | researchers                                           |                                                                                                    |                                                 |              |                             |
| 45  | Case study research and applications                  | Yin, R. K.                                                                                         |                                                 | 2018         | Nghiên cứu tình huống       |
| 46  | Organizational Behavior                               | Stephen P. Robbins and Timothy A. Judge.                                                           | Pearson Education Limited                       | 2024         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức |
| 47  | Leadership: Theory and Practice                       | Peter G. Northouse.                                                                                | SAGE Publications Ltd                           | 2019         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức |
| 48  | Organizational Culture and Leadership. Fifth Edition. | Edgar H. Schein.                                                                                   | John Wiley & Sons, Inc.                         | 2017         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức |
| 49  | Lãnh đạo chuyển hóa – Transformational Leadership.    | Nguyễn Ngọc Toàn (dịch)                                                                            | Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.                 | 2022         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức |
| 50  | HBR's 10 Must Reads on Leadership.                    | Harvard Business Review                                                                            | Harvard Business School Publishing Corporation. | 2017         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức |
| 51  | HBR's 10 Must Reads on Organizational Resillience     | Harvard Business Review                                                                            | Harvard Business School Publishing Corporation. | 2020         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức |
| 52  | HBR's 10 Must Reads for Mid-level Managers            | Harvard Business Review                                                                            | Harvard Business School Publishing Corporation. | 2023         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức |
| 53  | Sales Management Analysis and Decision Making         | Thomas N. Ingram, Raymond W. LaForge, Ramon A. Avila, Charles H. Schwepker Jr, Michael R. Williams | Routledge                                       | 2024         | Quản trị bán hàng nâng cao  |
| 54  | Quản trị bán hàng hiện đại                            | Nguyễn Văn Hiến                                                                                    | Tài chính                                       | 2016         | Quản trị bán hàng           |

| STT | Tên tài liệu                                                        | Tên tác giả                           | Nhà xuất bản                                      | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần       |
|-----|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------|----------------------------|
|     |                                                                     |                                       |                                                   |              | nâng cao                   |
| 55  | Giáo trình Quản trị bán hàng                                        | Vũ Minh Đức & Vũ Huy Thông            | Đại học Kinh tế quốc dân                          | 2018         | Quản trị bán hàng nâng cao |
| 56  | Giáo trình Quản trị bán hàng                                        | Lê Tấn Bửu                            | Lao động Xã hội                                   | 2015         | Quản trị bán hàng nâng cao |
| 57  | Sales Management: The Dynamics of Selling and Sales Force Marketing | Lindell Phillip Chew                  | McGraw -Hill                                      | 2019         | Quản trị bán hàng nâng cao |
| 58  | Quản trị bán hàng - Bản dịch tiếng Việt                             | James M. Comer                        | TP.HCM                                            | 2002         | Quản trị bán hàng nâng cao |
| 59  | Nghệ thuật quản trị bán hàng – Bản dịch tiếng Việt                  | Robert J. Calvin                      | Thống kê                                          | 2004         | Quản trị bán hàng nâng cao |
| 60  | Kỹ năng và quản trị bán hàng                                        | Lê Đăng Lãng                          | Thống kê                                          | 2009         | Quản trị bán hàng nâng cao |
| 61  | Quản trị bán hàng hiện đại                                          | Lưu Đan Thọ & Nguyễn Vũ Quân          | Tài chính                                         | 2016         | Quản trị bán hàng nâng cao |
| 62  | A Guide to the Project Management Body of Knowledge (PMBOK Guide)   | Project Management Institute          |                                                   | 2017         | Quản trị dự án kinh doanh  |
| 63  | Quản trị dự án – Những nguyên tắc căn bản                           | Joseph Heagney                        | Lao động – Xã hội                                 | 2012         | Quản trị dự án kinh doanh  |
| 64  | Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư                                 | Phước Minh Hiệp                       | Lao động – Xã hội                                 | 2011         | Quản trị dự án kinh doanh  |
| 65  | Quản trị mô hình kinh doanh                                         | Đặng Văn Mỹ                           | Tài liệu nghiên cứu và giảng dạy, lưu hành nội bộ | 2020         | Tạo lập mô hình kinh doanh |
| 66  | Tạo lập mô hình kinh doanh (Sách dịch)                              | Alexander Osterwalder và Yves Pigneur |                                                   | 2021         | Tạo lập mô hình kinh doanh |
| 67  | Business Model Generation, A Handbook for Visionaries, Game         | Alexander Osterwalder và Yves Pigneur | The Strategyzer series                            | 2010         | Tạo lập mô hình kinh doanh |



| STT | Tên tài liệu                                               | Tên tác giả                              | Nhà xuất bản                | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần             |
|-----|------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------|--------------|----------------------------------|
|     | Changers, and Challengers                                  |                                          |                             |              |                                  |
| 68  | Mai Hồng Quý và Trần Việt Dũng                             | Luật Thương mại quốc tế                  | Đại học Quốc gia TP. HCM    | 2012         | Luật Thương mại quốc tế nâng cao |
| 69  | Luật trọng tài thương mại                                  |                                          | Chính trị quốc gia, Hà Nội. | 2010         | Luật Thương mại quốc tế nâng cao |
| 70  | A basic guide to international business law                | Keizer, J. & H. Wevers, H.               | Wolters Noordhof            | 2008         | Luật Thương mại quốc tế nâng cao |
| 71  | Mastering import & export management                       | Thomas A. Cook                           | AMACOM                      | 2012         | Quản trị xuất nhập khẩu          |
| 72  | International Marketing and Export Management              | Albaum, G., Stradskov, J., and Duerr, E. | New York: Prentice Hall.    | 2002         | Quản trị xuất nhập khẩu          |
| 73  | International Trade                                        | Jonathan Reuvid & Jim Sherlock           | Kogan Page                  | 2011         | Quản trị xuất nhập khẩu          |
| 74  | Giáo trình Cao học Quản trị Kinh doanh quốc tế             | Hà Nam Khánh Giao                        | Kinh tế TPHCM               | 2017         | Quản trị kinh doanh toàn cầu     |
| 75  | International Business Management                          | Vyuptakesh Sharan                        | Pearson                     | 2012         | Quản trị kinh doanh toàn cầu     |
| 76  | Đầu tư quốc tế                                             | Lê Quang Huy                             | Kinh tế Tp.HCM              | 2013         | Quản trị Đầu tư quốc tế          |
| 77  | Kỹ thuật đầu tư trực tiếp nước ngoài                       | Võ Thanh Thu & Ngô Thị Ngọc Huyền        | Tổng hợp Tp.HCM.            | 2011         | Quản trị Đầu tư quốc tế          |
| 78  | Global investments, Pearson New International Edition, 6/E | Solnik, B., & McLeavey, D.               | Pearson Education, Inc      | 2013         | Quản trị Đầu tư quốc tế          |

**3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT**

| STT | HỌ VÀ TÊN             | HỌC HÀM - HỌC VỊ | HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY                                        |
|-----|-----------------------|------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 1   | Huỳnh Thị Thu Sương   | PGS.TS           | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao<br>Lãnh đạo & Hành vi tổ chức     |
| 2   | Trần Thế Nam          | TS               | Phương pháp nghiên cứu khoa học                                    |
| 3   | Đặng Văn Mỹ           | PGS.TS           | Tạo lập mô hình kinh doanh                                         |
| 4   | Phạm Thị Ngọc Mai     | TS               | Quản trị bán hàng nâng cao                                         |
| 5   | Lượng Văn Quốc        | TS               | Phương pháp nghiên cứu khoa học<br>Quản trị bán hàng nâng cao      |
| 6   | Hồ Xuân Tiến          | TS               | Quản trị sự thay đổi                                               |
| 7   | Vũ Hồng Vân           | TS               | Phương pháp nghiên cứu khoa học<br>Lãnh đạo & Hành vi tổ chức      |
| 8   | Nguyễn Phi Hoàng      | TS               | Quản trị vận hành và công nghệ                                     |
| 9   | Trần Vĩnh Hoàng       | TS               | Quản trị vận hành và công nghệ                                     |
| 10  | Phạm Hồng Hải         | TS               | Lãnh đạo & Hành vi tổ chức<br>Mô hình kinh tế mới                  |
| 11  | Trần Nguyễn Khánh Hải | TS               | Chuyên đề nghiên cứu tình huống                                    |
| 12  | Đinh Thanh Nhân       | TS               | Quản trị rủi ro kinh doanh                                         |
| 13  | Hoàng Thu Thảo        | TS               | Quản trị dự án kinh doanh                                          |
| 14  | Võ Thái Huy Cường     | TS               | Quản trị dự án kinh doanh<br>Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao |
| 15  | Nguyễn Gia Ninh       | TS               | Quản trị chiến lược nâng cao                                       |
| 16  | Bảo Trung             | TS               | Quản trị marketing toàn cầu                                        |
| 17  | Nguyễn Xuân Hiệp      | TS               | Quản trị kinh doanh toàn cầu                                       |
| 18  | Lê Quang Huy          | TS               | Quản trị Đầu tư quốc tế                                            |
| 19  | Phạm Ngọc Dưỡng       | TS               | Quản trị xuất nhập khẩu                                            |
| 20  | Lại Văn Nam           | TS               | Triết học                                                          |
| 21  | Nguyễn Tấn Hưng       | TS               | Triết học                                                          |

**4. Đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn hướng dẫn luận văn/đề án tốt nghiệp**

| STT | Họ tên              | Học hàm, năm phong | Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp | Ngành/chuyên ngành học | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------------------|----------------------------------------|------------------------|---------|
| 1   | Huỳnh Thị Thu Sương | PGS, 2021          | TS, 2013                               | Kinh doanh & Quản lý   |         |

| STT | Họ tên                | Học hàm, năm phong | Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp | Ngành/chuyên ngành học | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------|----------------------------------------|------------------------|---------|
| 2   | Trần Nhân Phúc        |                    | TS, 2019                               | Quản trị kinh doanh    |         |
| 3   | Trần Thế Nam          |                    | TS, 2021                               | Quản trị kinh doanh    |         |
| 4   | Phạm Thị Ngọc Mai     |                    | TS, 2018                               | Quản trị kinh doanh    |         |
| 5   | Lượng Văn Quốc        |                    | TS, 2023                               | Quản trị kinh doanh    |         |
| 6   | Hồ Xuân Tiến          |                    | TS, 2017                               | Kinh doanh & Quản lý   |         |
| 7   | Trần Nguyễn Khánh Hải |                    | TS, 2019                               | Kinh doanh & Quản lý   |         |
| 8   | Tô Anh Thơ            |                    | TS, 2020                               | Kinh tế                |         |
| 9   | Vũ Hồng Vân           |                    | TS, 2019                               | Quản trị kinh doanh    |         |
| 10  | Nguyễn Gia Ninh       |                    | TS, 2020                               | Quản trị kinh doanh    |         |
| 11  | Phan Hồng Hải         |                    | TS, 2015                               | Quản trị kinh doanh    |         |
| 12  | Đinh Thanh Nhân       |                    | TS, 2020                               | Quản trị kinh doanh    |         |
| 13  | Trần Vĩnh Hoàng       |                    | TS, 2021                               | Quản trị kinh doanh    |         |
| 14  | Hoàng Thu Thảo        |                    | TS, 2022                               | Quản trị kinh doanh    |         |
| 15  | Nguyễn Phi Hoàng      |                    | TS, 2022                               | Quản trị kinh doanh    |         |
| 16  | Võ Thái Huy Cường     |                    | TS, 2022                               | Quản trị kinh doanh    |         |
| 17  | Nguyễn Xuân Hiệp      |                    | TS, 2012                               | Quản trị kinh doanh    |         |
| 18  | Bảo Trung             |                    | TS, 2009                               | Quản trị kinh doanh    |         |

**5. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng .**

| STT | Họ tên                  | Chức vụ     | Đơn vị                   | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-------------|--------------------------|---------|
| 1   | Hứa Nguyễn Thùy An      | Thư ký khoa | Khoa QTKD                |         |
| 2   | Võ Trần Sơn Nữ Tố Uyên  | Thư ký khoa | Khoa QTKD                |         |
| 3   | Trần Văn Tuấn           | Chuyên viên | Viện Đào tạo sau đại học |         |
| 4   | Đỗ Minh Hương           | Chuyên viên | Viện Đào tạo sau đại học |         |
| 5   | Huỳnh Thị Mỹ Diệu       | Chuyên viên | Viện Đào tạo sau đại học |         |
| 6   | Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên | Chuyên viên | Viện Đào tạo sau đại học |         |

**D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo)**





**Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh với chương trình đào tạo của các trường khác**

| STT        | Trường Đại học Tài chính – Marketing           |    |    | STT | Trường Đại học Kinh tế TP.HCM                                                  |    |    |
|------------|------------------------------------------------|----|----|-----|--------------------------------------------------------------------------------|----|----|
|            | Học phần                                       | LT | TH |     | Học phần                                                                       | LT | TH |
| <b>I</b>   | <b>Kiến thức chung</b>                         |    |    |     |                                                                                |    |    |
| 1          | Triết học                                      |    |    | 1   | Triết học                                                                      |    |    |
| 2          | Phương pháp nghiên cứu khoa học                |    |    | 2   | Phương pháp nghiên cứu khoa học                                                |    |    |
| <b>II.</b> | <b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>   |    |    |     |                                                                                |    |    |
| <b>2.1</b> | <b>Kiến thức bắt buộc</b>                      |    |    |     |                                                                                |    |    |
| 3          | Mô hình kinh tế mới                            |    |    | 3   | Triển khai chiến lược chuyên sâu                                               |    |    |
| 4          | Quản trị chiến lược nâng cao (*)               |    |    | 4   | Quản trị chiến lược nâng cao                                                   |    |    |
| 5          | Quản trị vận hành và công nghệ(*)              |    |    | 5   | Quản trị điều hành nâng cao                                                    |    |    |
| 6          | Quản trị sự thay đổi                           |    |    | 6   | Quản trị chất lượng nâng cao                                                   |    |    |
| 7          | Quản trị marketing toàn cầu                    |    |    | 7   | Chiến lược marketing nâng cao                                                  |    |    |
| 8          | Quản trị tài chính hiện đại                    |    |    | 8   | Tài chính nâng cao cho nhà quản trị                                            |    |    |
| 9          | Quản trị nguồn nhân lực nâng cao (*)           |    |    | 9   | Quản trị nguồn nhân lực mang tính chiến lược                                   |    |    |
| 10         | Quản trị rủi ro kinh doanh                     |    |    | 10  | Kế toán quản trị chiến lược                                                    |    |    |
| 11         | Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*)      |    |    | 11  | Phân tích dữ liệu kinh doanh                                                   |    |    |
| 12         | Nghiên cứu tình huống                          |    |    | 12  | Chuyên đề nghiên cứu chuyên ngành quản trị và kinh doanh, Chuyên đề nghiên cứu |    |    |
| <b>2.2</b> | <b>Kiến thức chuyên ngành tự chọn</b>          |    |    |     |                                                                                |    |    |
| <i>A</i>   | <i>Định hướng Quản trị kinh doanh tổng hợp</i> |    |    |     |                                                                                |    |    |
| 13         | Lãnh đạo và Hành vi tổ chức                    |    |    | 13  | Lãnh đạo                                                                       |    |    |
| 14         | Quản trị bán hàng nâng cao (*)                 |    |    | 14  | Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề                                          |    |    |
| 15         | Quản trị dự án kinh doanh                      |    |    | 15  | Chiến lược trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp                                 |    |    |
| 16         | Tạo lập mô hình kinh doanh                     |    |    | 16  | Mô hình kinh doanh điện tử                                                     |    |    |

| STT        | Trường Đại học<br>Tài chính – Marketing |    |    | STT | Trường Đại học Kinh tế TP.HCM                       |    |    |
|------------|-----------------------------------------|----|----|-----|-----------------------------------------------------|----|----|
|            | Học phần                                | LT | TH |     | Học phần                                            | LT | TH |
| <i>B</i>   | <i>Định hướng Kinh doanh quốc tế</i>    |    |    |     |                                                     |    |    |
| 17         | Luật thương mại quốc tế nâng cao (*)    |    |    | 17  | Quản trị sáng tạo và đổi mới                        |    |    |
| 18         | Quản trị xuất nhập khẩu                 |    |    | 18  | Quản trị khởi nghiệp                                |    |    |
| 19         | Quản trị kinh doanh toàn cầu            |    |    | 19  | Thiết kế nghiên cứu dành cho quản trị và kinh doanh |    |    |
| 20         | Quản trị Đầu tư quốc tế                 |    |    | 20  | Phương pháp định lượng dành cho quản trị và quản lý |    |    |
| <b>III</b> | <b>Tốt nghiệp</b>                       |    |    |     |                                                     |    |    |
| 21         | Luận văn tốt nghiệp                     |    |    | 21  | Luận văn                                            |    |    |



